

Số: 117/KH-MNNB

Noong Bua, ngày 4 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ NĂM HỌC 2025 - 2026

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT về ban hành Điều Lệ trường mầm non;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12, điều 25 đến điều 30;

Căn cứ Quyết định số 1246/QĐ-BYT, ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ y tế về việc ban hành “Hướng dẫn thực hiện chế độ kiểm thực 3 bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống”;

Căn cứ văn bản số: 1702/SGDĐT-KHTC, ngày 19 tháng 6 năm 2024. V/v hướng dẫn tổ chức bếp ăn tập thể trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND, ngày 13/08/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn Số: 2615/KH-SGDĐT, ngày 29/8/2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non năm học 2025 - 2026;

Căn cứ chương trình giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 và thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026;

Bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ cụ thể như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Tổng số CBGV- NV: 26 đ/c.

Trong đó:

- | | |
|-------------------------|------------------|
| + Ban giám hiệu: 03 đ/c | + Nhân viên PV: |
| + Giáo viên: 18 đ/c | + Bảo vệ: 02 đ/c |
| + Kế toán: 01 | + Cô nuôi: 2 đ/c |

Tổng số học sinh: 171 cháu. Chia làm 8 nhóm lớp, trong đó có 02 nhóm trẻ: 34 cháu. 8 lớp mẫu giáo: 137 cháu. 100% số trẻ ăn bán trú tại trường.

1. Thuận lợi

- Nhà trường luôn được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo từ Sở GD đến chính quyền địa phương, đặc biệt là sự chỉ đạo sát sao của UBND phường Mường Thanh.

- Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất với một dãy nhà 2 tầng với 8 phòng học kiên cố cùng các phòng chức năng đảm bảo có đầy đủ các trang thiết bị đồ dùng đồ chơi để phục vụ cho học tập và vui chơi của trẻ, có bếp nấu ăn theo hệ thống bếp một chiều.

- 100% giáo viên có trình độ chuẩn và trên chuẩn, có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, đoàn kết, yêu nghề mến trẻ, có ý thức vươn lên tự học tự bồi để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề vững vàng, năng động sáng tạo trong công việc. Biết

tuyên truyền tới các bậc cha mẹ về tầm quan trọng của chương trình giáo dục mầm non mới từ đó trẻ đến lớp tăng cao.

- Phụ huynh học sinh đa số còn trẻ, có trình độ nhận thức về tầm quan trọng cấp học mầm non do vậy rất quan tâm đến điều kiện sinh hoạt học tập của con em mình, ủng hộ mọi phong trào của nhà trường. Nhân dân địa phương có truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo.

8/8 nhóm lớp có phòng học sạch sẽ, nhà vệ sinh thuận lợi cho việc sinh hoạt.

100% nhóm lớp có đủ đồ dùng đồ chơi theo quy định tại Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT và điều chỉnh bổ sung theo văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT, ngày 23/3/2015 của Bộ giáo dục và Đào tạo.

- 100% giáo viên đã biết ứng dụng công nghệ thông tin, biết sử dụng phần mềm xây dựng bài giảng, soạn giáo án điện tử. 100% giáo viên ứng dụng tốt công nghệ thông tin vào giảng dạy.

- Đời sống giáo viên ngày một ổn định tạo điều kiện giáo viên yên tâm công tác.

2. Khó khăn

- Một số giáo viên phương pháp giảng dạy chưa linh hoạt, chưa sáng tạo

- Trình độ tin học của một số giáo viên còn hạn chế, việc áp dụng công nghệ thông tin trong việc xây dựng các hoạt động học như soạn giảng giáo án điện tử, thiết kế bài giảng điện tử, sử dụng công nghệ AI chưa mạnh dạn áp dụng thường xuyên.

- Một số phụ huynh gia đình kinh tế khó khăn, bố mẹ đi làm xa con ở với ông bà nên nhận thức về kiến thức dinh dưỡng - sức khỏe trẻ còn ở mức độ hạn chế.

- Nhân viên nấu ăn hợp đồng theo năm học đôi khi chưa ổn định và còn hạn chế về kiến thức chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ.

B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM HỌC 2024 - 2025

1. Kết quả

** Về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và đảm bảo an toàn cho trẻ:*

- Số lượng trẻ được tổ chức ăn tại trường: 207/207 trẻ đạt 100%

- 100% số trẻ được theo dõi sức khỏe trên biểu đồ

- Tổng số trẻ khỏe mạnh phát triển bình thường :

** Về cân nặng*

- KBT: 204/207 cháu đạt 98,6%

- SDD thể nhẹ cân: 3/207 cháu còn 1,4%

- SDD thể nhẹ cân MĐ nặng: 0

- Béo phì: 0

** Về chiều cao:*

- KBT: 203/207 cháu đạt 98,1%

- SDD thể TC: 4/207 cháu còn 1,9%

- SDD thể TC MĐ nặng: 0

**Cân nặng/Chiều cao*

- KBT: 207/207 cháu đạt 100%

- Suy DD thể gầy còm nhẹ cân: 0

- Suy DD thể gầy còm MĐ nặng: 0

- Béo phì: 0

** Chất lượng giáo dục:*

- Bé khỏe, bé ngoan: 145/207 cháu đạt 70,5%

- Tổng số đạt bé ngoan: 207/207 cháu đạt 100%
 - Tổng số đạt bé sạch: 207/207 cháu đạt 100%
 - Tổng số đạt bé chăm: 201/207 cháu đạt 97.1%
- Tổng số Học sinh toàn trường: 207/207 trẻ

Tổng số học sinh được đánh giá chất lượng: 207/207 HS đạt từ 100% trẻ đạt các mục tiêu giáo dục theo chương trình GDMN.

- Kết quả giáo dục lớp mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành chương trình và đạt được các lĩnh vực phát triển là 61/61 cháu và đạt yêu cầu theo mục tiêu cuối độ tuổi

*** Kết quả các hội thi**

+ Chất lượng hội thi: Ngày hội văn hoá cấp cụm. Đạt 3 giải nhất, 1 giải nhì và 3 giải ba

• Chất lượng đội ngũ giáo viên nhà trường:

Chất lượng giáo viên: Giáo viên dạy giỏi các cấp là : 17/18 GV đạt 94.4%. Trong đó: GVDG Cấp Tỉnh: 2/18 đạt 11.1%; GVDG Cấp TP: 5/18 đạt 27.7%, Cấp Trường: 10/18 đạt 55.5%

C. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ NĂM HỌC 2025- 2026

I. NHIỆM VỤ CHUNG:

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với GDMN; quản trị trường học; có giải pháp phù hợp, kịp thời để hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước về GDMN trong bối cảnh sáp nhập địa giới hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

2. Thực hiện nghiêm công tác bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em. Tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN; chuẩn bị các điều kiện để triển khai thí điểm Chương trình GDMN mới từ năm học 2026-2027 và triển khai Chương trình GDMN mới theo kế hoạch của Bộ. Tổ chức cho trẻ em mẫu giáo làm quen với tiếng Anh theo quy định và sự tự nguyện của gia đình trẻ.

3. Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành, triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách phát triển GDMN; đưa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về phát triển GDMN, thực hiện Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3-5 tuổi vào các văn kiện, Nghị quyết của Đại hội Đảng, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 của địa phương để triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách phát triển GDMN. Tham mưu đầu tư nguồn lực và thực hiện giải pháp xã hội hoá giáo dục để bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn, lộ trình thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3-5 tuổi tại địa phương.

4. Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng GDMN, phát triển mạng lưới trường lớp, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; thực hiện các giải pháp huy động trẻ đến trường, lớp mầm non. Nâng cao chất lượng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên mầm non (GVMN) đáp ứng yêu cầu đổi mới; xây dựng, thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; bố trí đủ số lượng GVMN theo định mức để thực hiện Chương trình GDMN.

5. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi (PCGDMNTNT). Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi trẻ em mầm non, quan tâm đến trẻ em là người dân tộc thiểu số (DTTS), trẻ em sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thực hiện hiệu quả công tác giáo dục dân tộc và giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật.

6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số; công tác tuyên

truyền về GDMN và tăng cường hợp tác quốc tế.

7. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền, đúng quy định.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục

1.1. Triển khai kịp thời các văn bản chính sách về GDMN, bảo đảm các điều kiện để thực hiện Chương trình GDMN:

Nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo; chỉ đạo của Sở, Phường về nhiệm vụ năm học, trọng tâm là Kết luận số 91-KL/TW, ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Luật Nhà giáo và các Nghị quyết của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi và đổi mới chương trình giáo dục mầm non. Đổi mới công tác quản lý giáo dục, quản trị nhà trường theo hướng tăng quyền tự chủ, nâng cao trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ trong các cơ sở giáo dục và đào tạo. Thực hiện tốt công tác giáo dục tư tưởng chính trị, xây dựng khối đoàn kết; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; tăng cường an ninh, an toàn trường học; xây dựng văn hóa học đường, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh.

Triển khai, thực hiện hiệu quả các văn bản, chính sách về GDMN, bảo đảm các điều kiện để thực hiện Chương trình GDMN. Chỉ đạo CBGVNV thực hiện nghiêm túc các quy định tại các văn bản chỉ đạo về phát triển GDMN bảo đảm tính hiệu quả, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của trường để hoàn thành các mục tiêu và nhiệm vụ của năm học.

Nhà trường triển khai thực hiện đúng quy định, hiệu quả các chính sách phát triển GDMN theo quy định; chủ động rà soát trang thiết bị, đồ dung, đồ chơi, để có kế hoạch mua sắm thiết bị, đồ chơi, đồ dùng dạy học, tài liệu, học liệu nâng chất lượng thực hiện Chương trình GDMN, chuẩn bị các điều kiện để thực hiện Chương trình GDMN mới; củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMNTNT.

Nhà trường tiếp tục làm tốt công tác phối hợp với các tổ chức ở địa phương để làm tốt công tác tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành và triển khai tổ chức thực hiện các văn bản liên quan đến công tác phát triển GDMN bảo đảm nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời, chất lượng, hiệu quả; tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển GD của nhà trường.

Chỉ đạo các tổ chức trong nhà trường thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với trẻ em, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường theo quy định.

Ưu tiên, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện các đề án, dự án, Chương trình, đầu tư cơ sở vật chất, đội ngũ và các điều kiện bảo đảm duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi và thực hiện Chương trình GDMN bảo đảm chất lượng, cụ thể: Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và Nghị

quyết số 35/NQ-CP ngày 04/06/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định chính sách phát triển GDMN; Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; Căn cứ công văn số 474/UBND-VHXXH ngày 11/9/2025 của Ủy ban nhân dân phường Mường Thanh về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2025-2026;

Quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình “Hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn, giai đoạn 2022-2030” tỉnh Điện Biên.

Triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 về Quy định danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh; các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường về hoạt động quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ giáo dục, mức thu học phí đối với trẻ mầm non tại các cơ sở giáo dục công lập.

Tăng cường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh kiểm tra, giám sát việc quản lý và triển khai thực hiện các dịch vụ hỗ trợ các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ bảo đảm đúng quy định, hiệu quả phù hợp với điều kiện của nhà trường, địa phương.

1.2 Tiếp tục thực hiện hiệu quả đổi mới công tác quản lý theo hướng phân cấp, tự chủ gắn trách nhiệm giải trình:

Chỉ đạo các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường thực hiện quy định trong công tác quản lý theo Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/03/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập; thực hiện hiệu quả công tác tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong nhà trường.

Nâng cao trách nhiệm và quyền hạn của người đứng đầu, gắn với trách nhiệm giải trình trong quản lý các hoạt động giáo dục của nhà trường. Triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng trường theo quy định tại Điều 9, Điều lệ trường Mầm non hiện hành.

Giao quyền tự chủ cho các tổ khối chuyên môn được quyết định việc sử dụng, vận dụng các hình thức, phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục để đáp ứng mục tiêu, Chương trình GDMN, chương trình giáo dục của nhà trường bảo đảm chất lượng, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn.

Thực hiện nghiêm Quy chế công khai trong quản lý các hoạt động giáo dục của trường theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân nhằm phát huy vai trò tham gia xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, giám sát, quản lý, sử dụng các nguồn lực để tổ chức các hoạt động trong nhà

trường; bảo đảm đầy đủ, kịp thời quy định về công khai mục tiêu chất lượng giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả thực hiện theo quy định của các cấp.

Quán triệt, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, kịp thời về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường theo Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT ngày 18/01/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường.

Nhà trường tăng cường công tác phối hợp với Ủy ban nhân dân phường, các ban, ngành, các tổ chức, huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư trong quản lý GDMN, đặc biệt trong quản lý đảm bảo an toàn cho trẻ tại nhóm, lớp.

1.3. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật:

Nhà trường tăng cường đổi mới công tác kiểm tra nội bộ, đánh giá, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật theo hướng phân cấp quản lý, trách nhiệm, hiệu quả; đề cao vai trò đôn đốc, tư vấn, thúc đẩy, hỗ trợ của các tổ, khối chuyên môn, tránh hình thức và tránh gây áp lực cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

Chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá các hoạt động của các tổ, khối chuyên môn, các lớp theo quy định; đôn đốc, hướng dẫn, thường xuyên tự kiểm tra, rà soát, đánh giá về bảo đảm an toàn trường học.

Tiếp tục nâng cao chất lượng của hoạt động kiểm tra nội bộ của trường góp phần nâng cao hiệu quả đổi mới công tác quản lý tại đơn vị. Đặc biệt công tác tự kiểm tra, đánh giá đảm bảo quy trình từ khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện đến thông báo kết quả kiểm tra và có biện pháp xử lý kịp thời những vi phạm; những tiềm ẩn, rủi ro nguy cơ mất an toàn cho trẻ và cho CBGVCMN trong nhà trường. Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học đảm bảo phù hợp, bám sát văn bản hướng dẫn.

2. Nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN; chuẩn bị điều kiện để triển khai thí điểm Chương trình GDMN mới

2.1. Bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ em; phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh:

Nhà trường tiếp tục triển khai và nghiêm túc thực hiện các văn bản quy định về công tác phòng chống bạo hành trẻ em theo Nghị định số 80/2017/NĐ-CP quy định về môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường, bảo đảm an toàn trường học và các quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích theo Công văn số 1773/BGDĐT-GDCTHSSV ngày 16/04/2024 về việc tăng cường bảo đảm công tác an toàn trường học; số 3523/BGDĐT-GDCTHSSV ngày 16/08/2019 về việc tăng cường các giải pháp bảo đảm an toàn cho học sinh khi sử dụng dịch vụ đưa đón bằng xe ô tô; Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GDĐT quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN. Công văn số 423/BGDĐT-GDMN ngày 07/02/2023 về việc phối hợp chỉ đạo công tác nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em tại cơ sở GDMN.

Chỉ đạo các khối, lớp thực hiện lồng ghép, tích hợp hiệu quả công tác bồi dưỡng chuyên môn để nâng cao kiến thức pháp luật có liên quan đến công tác bảo đảm an toàn cho trẻ em; chú trọng công tác tự kiểm tra, đánh giá các tiêu chuẩn về an toàn nhằm phát hiện sớm và có biện pháp khắc phục kịp thời các yếu tố nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, không bảo đảm an toàn, chất lượng tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo quy định và tuân thủ pháp luật.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các nguy cơ có thể xảy ra và hướng dẫn các biện pháp, kỹ năng phòng chống tai nạn, thương tích cho trẻ; giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ theo Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11/05/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn trang bị kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục.

Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị, lực lượng tại địa phương và có phương án chủ động, linh hoạt để thích ứng, ứng phó kịp thời nếu có thiên tai, dịch bệnh xảy ra.

2.2. Đổi mới hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN.

a, Thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe trẻ em

Chỉ đạo các khối lớp, các bộ phận triển khai thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe trẻ; thực hiện nghiêm túc Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT BGDĐT ngày 12/5/2016 Quy định về công tác y tế trường học. Giao cán bộ phụ trách y tế xây dựng kế hoạch, lập hồ sơ sổ sách đảm bảo theo đúng quy định đối với công tác y tế trường học. Đảm bảo 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của trẻ; phối hợp với trạm Y tế phường Mường Thanh thực hiện tốt các biện pháp theo dõi, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ em trong nhà trường. Năm học 2025-2026, nhà trường phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, tỷ lệ trẻ thấp **còn còn dưới 2,5% và giảm tỷ lệ trẻ béo phì.**

Chỉ đạo các bộ phận, các tổ chuyên môn, giáo viên tham gia xây dựng thực đơn, đặc biệt quan tâm chất lượng bữa ăn của trẻ; sử dụng thực phẩm sạch, tươi, mới, sẵn có tại địa phương; không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong nhà trường. Phối hợp với cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc giám sát quy trình tổ chức ăn và chất lượng bữa ăn của trẻ tại nhà trường. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công văn số 423 /BGDĐT-GDMN ngày 07/02/2023 về công tác nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em tại cơ sở GDMN.

Tăng cường công tác tự kiểm tra và sự tham gia giám sát của Ban đại diện cha mẹ trẻ em trong việc bảo đảm chất lượng bữa ăn và an toàn thực phẩm. Chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm các quy định tại công văn số 404/BGDĐT-GDDT ngày 24/01/2024 về tăng cường, bảo đảm các điều kiện ăn, ở, sinh hoạt và học tập cho trẻ em mầm non, ...

Năm học 2025-2026 triển khai xây dựng và thực hiện mô hình: “*Bữa ăn đủ dinh dưỡng trong trường mầm non*”, tận dụng không gian của nhà trường cải tạo “khu trải nghiệm vườn rau”... trên cơ sở huy động sự hỗ trợ, phối hợp của cha mẹ, giáo viên, nhân viên để mô hình triển khai hiệu quả.

Giao cho các đồng chí Phó hiệu trưởng tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn các lớp đẩy mạnh giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự phục vụ, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe; lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với điều kiện thực tế; phối hợp chế độ dinh dưỡng và vận động phù hợp đối với trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì. Tăng cường lồng ghép giáo dục phát triển vận động và dinh dưỡng để phát triển thể chất, thể lực cho trẻ.

Thường xuyên kiểm tra, rà soát đồ dùng đồ chơi có biện pháp sửa chữa thay thế những đồ dùng đồ chơi hỏng, đảm bảo an toàn, phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ để đạt các điều kiện trường học đảm bảo an toàn. Phổ biến thức về cách chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ sức khỏe và phòng chống dịch bệnh, vệ sinh cá nhân cho trẻ, cách bảo vệ an toàn cho trẻ và những nguy hiểm thường gặp đối với trẻ đến cha mẹ trẻ.

Tuyên truyền vận động phụ huynh đóng góp nâng cao chất lượng ăn bán trú tại trường lớp và cách phối kết hợp giữa gia đình, nhà trường trong công tác CSGD trẻ. Tích cực tham mưu với nhà trường xây dựng thực đơn các bữa ăn bán trú cho trẻ, trú trọng phục hồi cho trẻ bị suy dinh dưỡng. Kết hợp hoạt động giáo dục dinh dưỡng, giáo dục thể chất nhằm phát triển toàn diện cho trẻ.

Chỉ đạo giáo viên các nhóm lớp thực hiện nghiêm túc công tác vệ sinh cá nhân và công tác phòng chống các dịch bệnh cho trẻ: Rửa mặt; rửa tay bằng xà phòng trước và sau khi ăn, sau khi đi vệ sinh; súc miệng nước muối, nước sát khuẩn; làm tốt công tác vệ sinh đồ dùng cá nhân, đồ dùng bếp ăn để tránh lây các bệnh truyền nhiễm cho trẻ. Theo dõi cân nặng trẻ SDD hàng tháng, phối hợp với gia đình tăng một bữa ăn cho trẻ SDD, tư vấn cho phụ huynh về chế độ ăn đủ chất.

Triển khai hiệu quả công tác giáo dục thể chất và y tế trường học, bảo đảm an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh và tai nạn thương tích, đuối nước. Tăng cường tổ chức bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm, kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về sức khỏe học đường và tiêu chí xây dựng trường học an toàn, thân thiện, hạnh phúc theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bộ phận kế toán tham mưu triển khai thực hiện đúng, đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo.

b) Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả, chất lượng Chương trình GDMN và tiếp tục triển khai các giải pháp, phát huy tính chủ động, phát triển chương trình GDMN phù hợp với điều kiện của nhà trường và của địa phương nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Chỉ đạo các khối lớp tăng cường đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ theo Chương trình GDMN. Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện trẻ em theo Chương trình GDMN, khuyến khích tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, học thông qua chơi, phương pháp giáo dục tiên tiến... Năm học 2025-2026, đẩy mạnh tích hợp/lồng ghép “giáo dục dinh dưỡng kết hợp vận động nhằm phát triển thể chất cân đối cho trẻ em” bảo đảm điều kiện, môi trường giáo dục, thời gian tổ chức các hoạt động cho trẻ ở ngoài trời và trong lớp theo chế độ sinh hoạt hằng ngày.

Chuẩn bị các điều kiện, nguồn lực và năng lực đội ngũ chuẩn bị triển khai thí điểm Chương trình GDMN mới theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Lồng ghép, tích hợp, phát triển các nội dung giáo dục trong thực hiện Chương trình GDMN: Giáo dục quyền con người, quyền trẻ em, giáo dục giới; giáo dục an toàn giao thông theo định hướng của chương trình “Tôi yêu Việt Nam”; giáo dục tình cảm kỹ năng xã hội; kỹ năng bảo vệ bản thân; bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu... Thực hiện hợp tác, áp dụng mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại phù hợp với điều kiện địa phương đặc biệt là ứng dụng STEAM trong thực hiện chương trình giáo dục trẻ ở trường.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cha mẹ trẻ và cộng đồng về giáo dục hòa nhập đối với trẻ em và trẻ khuyết tật để đảm bảo cơ hội trẻ em được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tại cơ sở GDMN;

Tiếp tục thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với trẻ em và giáo viên trực tiếp dạy trẻ người DTTS và chính sách đối với cơ sở GDMN đang có trẻ khuyết tật học hòa nhập theo quy định.

Chuẩn bị toàn diện cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một đáp ứng yêu cầu liên thông với Chương trình lớp một: Phối hợp với gia đình, cộng đồng phổ biến, tuyên truyền việc trẻ em được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo Chương trình GDMN bảo đảm điều kiện vào học lớp một; tăng cường giải pháp thực hiện hiệu quả hoạt động chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một; tuyệt đối không tổ chức dạy trước chương trình lớp một cho trẻ em 5 tuổi dưới mọi hình thức.

Đẩy mạnh hiệu quả phần mềm quản lý giáo dục phần mềm VnEdu. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ, bảo đảm tính thống nhất, khánh quan, chính xác và kịp thời.

Chú trọng việc tuyên truyền, phối hợp với gia đình của trẻ, cộng đồng đảm bảo trẻ được nuôi dưỡng chăm sóc theo Chương trình GDMN. Tiếp tục triển khai có hiệu quả cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh đảm bảo đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT và các văn bản Sở GDĐT đã ban hành. Tích cực thực hiện xã hội hoá theo tinh thần tự nguyện của phụ huynh nhằm triển khai cho 100% trẻ mẫu giáo của trường được làm quen với tiếng Anh. Đẩy mạnh công tác tạo môi trường giao tiếp ngôn ngữ tiếng Anh thông qua bài hát, nghe kể truyện, đọc thơ, hoạt động thực hành, trải nghiệm.

Tăng cường chất lượng, hiệu quả các hoạt động phối hợp, hỗ trợ của cha mẹ/người chăm sóc trẻ và nhân dân trên địa bàn để nâng cao chất lượng thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

3. Rà soát, sắp xếp và phát triển hệ thống mạng lưới trường, lớp; tăng cường cơ sở vật chất; nâng cao chất lượng kiểm định và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

Chủ động tham mưu với UBND phường Mường Thanh, phòng VHXXH trong công tác phát triển quy mô số lớp, học sinh; bố trí sắp xếp số trẻ/lớp đảm bảo theo quy định của Điều lệ Trường mầm non, phấn đấu đảm bảo tỷ lệ huy động trẻ ra lớp theo kế hoạch phòng VHXXH giao. Chỉ đạo giáo viên làm tốt công tác điều tra trẻ trong độ tuổi ra lớp, đôn đốc giáo viên điều tra theo tổ dân phố, điều tra chính xác dân số độ tuổi, học sinh chuyển đi, chuyển đến, học sinh khuyết tật... cập nhật kịp thời theo từng thời điểm.

Giao chỉ tiêu số lượng điều tra, huy động, duy trì trẻ trong độ tuổi đến trường cho từng giáo viên theo độ tuổi, cập nhật theo dõi biến động thường xuyên.

Phối hợp với phụ huynh và các ban ngành đoàn thể phường, tổ dân phố bản để làm tốt công tác tuyên truyền huy động trẻ đến trường. Làm tốt công tác tuyên truyền thông qua buổi họp ban đại diện cha mẹ học sinh, họp phụ huynh của lớp.

Tích cực tham mưu tổ chức tốt các ngày hội ngày lễ, các hội thi cấp trường mời đại diện phụ huynh về dự để tạo sự đồng cảm và là biện pháp tuyên truyền giúp phụ huynh hiểu sâu về ngành học. Từ đó nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ tạo lòng tin đối với cha mẹ học sinh và cộng đồng.

Tăng cường chỉ đạo giáo viên cập nhật đầy đủ các thông tin của trẻ vào sổ theo dõi nhóm lớp và có đủ hồ sơ quản lý học sinh, đảm bảo, chính xác, khoa học, đảm bảo tính cơ sở pháp lý.

Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục, tăng cường các nguồn lực đầu tư cho nhà trường, ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, học liệu bảo đảm điều kiện tối thiểu để thực hiện Chương trình GDMN và theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu bảo đảm điều kiện thực hiện Chương trình GDMN; đáp ứng yêu cầu duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập GDMN; tiếp tục cải tạo, nâng cấp trường lớp, đáp ứng tiêu chuẩn hiện hành. Xin bổ sung kinh phí và huy động nguồn lực đầu tư cho nhà trường để mua sắm bổ sung các đồ dùng, đồ chơi, thiết bị, tài liệu, học liệu để thực hiện Chương trình của nhà trường theo yêu cầu chuẩn hoá và hiện đại.

Duy trì tiêu chí duy trì trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 và trường đạt kiểm định chất lượng mức độ 3.

4. Phát triển chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Chỉ đạo các tổ, khối triển khai hiệu quả công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đảm

bảo bám sát Kế hoạch số 471/KH-BGDĐT ngày 04/05/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch hướng dẫn nâng cao năng lực chuyên môn cho CBQL và GVMN đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục năm học 2025-2026. Chỉ đạo sát sao đến các tổ, khối chuyên môn trong việc lựa chọn nội dung, chuyên đề, hình thức bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề cấp trường, cụm trường phù hợp và đáp ứng yêu cầu, bối cảnh cụ thể của địa bàn. Khuyến khích tinh thần học tập, chia sẻ theo nhiều hình thức giữa các tổ, nhóm, giáo viên trong nhà trường và giao lưu, học tập các trường mầm non trong thành phố; tạo môi trường chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi, sinh hoạt chuyên môn sâu, rộng để CBQL, GV sáng tạo, chia sẻ trong thực hiện đổi mới GDMN.

Tiếp tục chỉ đạo đội ngũ CBQL, GV thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 15/05/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo. Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng tập huấn đội ngũ, nâng cao đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, tình yêu thương và trách nhiệm bảo vệ trẻ; khuyến khích CBQL và giáo viên tự học và khai thác nguồn tài liệu, học liệu thông qua nhiều hình thức khác nhau. Đổi mới nội dung và phương thức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN.

Phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực, sở trường của từng cá nhân; thường xuyên nắm bắt, trao đổi, dự giờ nhằm phát hiện những khả năng đặc biệt, cách làm hay mang lại hiệu quả cao trong việc tổ chức các hoạt động CSGD trẻ của mỗi cá nhân để biểu dương, động viên kịp thời và nhân rộng.

Chỉ đạo các khối lớp tăng cường đổi mới nội dung và phương thức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, giáo viên. Chú trọng bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý về hoạt động quản trị nhà trường; nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong đổi mới phương pháp các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và quản lý nhóm, lớp và đáp ứng yêu cầu về quản lý trẻ em, quản lý cơ sở vật chất và quản lý hồ sơ, sổ sách của nhóm, lớp theo quy định.

Xây dựng kế hoạch chuyên môn cụ thể, chi tiết, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, đối tượng giáo viên.

Chỉ đạo, rà soát việc nội dung xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của nhà trường và giáo viên phải đảm bảo sát thực, cụ thể, tránh hình thức. Công tác đánh giá kết quả hằng tháng, chuyên đề phải đảm bảo tính chính xác, đúng quy định và phải đề ra được các giải pháp trong các thời gian tiếp theo. Kế hoạch xác định rõ các nội dung còn hạn chế, đề xuất hình thức bồi dưỡng, thời gian thực hiện, hoàn thành nội dung bồi dưỡng. Thường xuyên kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, công tác bồi dưỡng của tổ chuyên môn và tự bồi dưỡng của giáo viên.

Tăng cường công tác bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ giáo viên về nâng cao năng lực ứng dụng phương pháp dạy học tiên tiến Lồng ghép, tích hợp, phát triển các nội dung giáo dục trong thực hiện Chương trình GDMN: Giáo dục quyền con người, quyền trẻ em, giáo dục giới; giáo dục an toàn giao thông theo định hướng của chương trình “Tôi yêu Việt Nam”; giáo dục tình cảm kỹ năng xã hội; kỹ năng bảo vệ bản thân; bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu... Thực hiện hợp tác, áp dụng mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại

phù hợp với điều kiện địa phương đặc biệt là ứng dụng STEAM trong thực hiện chương trình giáo dục trẻ ở trường.

Công tác kiểm tra, đánh giá phải đảm bảo tính sát thực, đúng người, đúng việc, tránh hiện tượng nể nang, động viên nhau. Động viên, khuyến khích kịp thời những giáo viên có ý thức, tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ, đồng thời cũng xử lý nghiêm những trường hợp giáo viên có tinh thần ỷ lại, chống đối, không chịu đầu tư, nghiêm cứu trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Đổi mới hình thức tổ chức Hội thi của nhà trường theo hướng phát triển khả năng, năng lực của giáo viên. Phát huy vai trò trách nhiệm của tổ trưởng, tổ phó trong công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên.

Thực hiện việc đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định. Thực hiện hợp đồng nhân viên đúng quy định, đảm bảo chất lượng, chế độ chính sách; ưu tiên hợp đồng người nấu ăn cho trẻ có chứng chỉ nghề nấu ăn; kịp thời thực hiện quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non.

Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia học tập các lớp học nâng cao trình độ, tham gia các lớp tập huấn do ngành tổ chức, tham gia dự giờ tiết học hay ở đơn vị trường bạn.

Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên.

5. Bảo đảm chất lượng PCGDMNTNT, triển khai thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

5.1. Triển khai Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và các văn bản của Chính phủ, Bộ GDĐT về phổ cập mẫu giáo.

Tham mưu với UBND xã/phường đưa chỉ tiêu hoàn thành phổ cập mẫu giáo và các chính sách phát triển GDMN vào văn kiện, nghị quyết của Đại hội Đảng và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 của địa phương; Ban hành kế hoạch triển khai phổ cập mẫu giáo ở địa phương theo hướng dẫn, bố trí nguồn lực ưu tiên cho phổ cập giáo dục mẫu giáo;

Tham mưu tăng cường công tác quy hoạch, bố trí, đầu tư xây dựng trường, lớp học, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và sắp xếp, bổ sung giáo viên đáp ứng yêu cầu phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo; Kiện toàn Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ cấp xã theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT .

Tham mưu, ban hành các văn bản thực hiện phổ cập mẫu giáo trên địa bàn; phân công ổn định đội ngũ phụ trách công tác phổ cập; rà soát, đánh giá về việc huy động trẻ mầm non ra lớp (đặc biệt là trẻ mẫu giáo), các điều kiện về đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi và các điều kiện khác để chuẩn bị thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo.

5.2. Đối với phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi

Tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP, Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT và Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ GDĐT. Tổ chức rà soát, kiểm tra đánh giá lại về kết quả đạt chuẩn PCGDMTNT trên địa bàn xã, phường; điều chỉnh, bổ sung và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện năm 2026 để tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMTNT.

Tham mưu thực hiện công tác tự kiểm tra và công nhận duy trì đạt chuẩn PCGDMTNT cấp xã, đề nghị kiểm tra, công nhận duy trì đạt chuẩn đối với cấp xã đảm bảo thời gian và quy trình theo quy định hiện hành.

Phối hợp với các trường MN, Tiểu học, THCS trên địa bàn phường Mường Thanh để điều tra, xử lý, cập nhật dữ liệu vào phần mềm PCGD-XMC bảo đảm đầy đủ, kịp thời, chính xác; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong lưu trữ hồ sơ phổ cập.

6. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục và hội nhập quốc tế

6.1. Công tác xã hội hoá giáo dục

Thực hiện nghiêm túc các cơ chế, chính sách về xã hội hoá giáo dục; Tham mưu, đề xuất việc ban hành các cơ chế chính sách đặc thù, thu hút các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp tham gia phát triển GD nhà trường; xây dựng kế hoạch, lộ trình để thu hút các nguồn lực xã hội cho phát triển GD tại nhà trường phù hợp điều kiện, mức độ phát triển kinh tế - xã hội và khả năng đóng góp của người dân tại địa phương.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hoá quy trình thủ tục cho nhà đầu tư; Nhà trường tăng cường kiểm tra giám sát, hướng dẫn về thực hiện công tác xã hội hoá, trong đó đặc biệt chú trọng các yêu cầu về công khai mức học phí, công khai tài chính và cam kết chất lượng giáo dục.

Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức về huy động nguồn lực xã hội cho GD nhà trường; tăng cường bồi dưỡng kiến thức pháp lý và kỹ năng chuyên môn, nâng cao năng lực CBQL và GV của đơn vị.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình, đoàn thể, tổ chức xã hội góp phần tổ chức tốt các hoạt động giáo dục tại cơ sở giáo dục mầm non; huy động các lực lượng xã hội trong công tác tuyên truyền, phổ biến về vai trò của cấp học mầm non đối với sự hình thành và phát triển về nhân cách của trẻ. Duy trì hiệu quả trao đổi thông tin với cha mẹ trẻ thông qua các nền tảng Zoom, Zalo nhóm...;

Tăng cường công tác phối hợp với các ban, ngành tại địa phương trong rà soát, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục và bảo đảm an toàn cho trẻ theo quy định pháp luật; thúc đẩy sự tham gia, phối hợp của gia đình, cộng đồng, xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định và xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích

Tiếp tục làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, tăng cường huy động các nguồn lực từ xã hội, cộng đồng để chăm lo phát triển nhà trường. Thực hiện nghiêm túc các quy định

về tài trợ cho các cơ sở giáo dục theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GDĐT.

Phối hợp với các đoàn thể, tổ chức xã hội, cá nhân, cha mẹ trẻ em để huy động trẻ đi học, đi học chuyên cần và tổ chức các hoạt động giáo dục theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục. Huy động các nguồn lực đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng phục vụ tổ chức bữa ăn bán trú, bảo đảm các điều kiện tổ chức bữa ăn cho trẻ ở trường đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh, theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá và đồng bộ.

6.2. Hội nhập quốc tế

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025. Triển khai Đề án chiến lược hợp tác quốc tế khi đề án được Chính phủ phê duyệt; thực hiện về hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Đẩy mạnh công tác nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn đầu tư, tài trợ từ các cá nhân, tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước để phát triển GD của nhà trường phù hợp với địa phương theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục hỗ trợ, hướng dẫn GV nghiên cứu, học hỏi, áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển chương trình GD nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; đẩy mạnh hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ giữa các cơ sở GDMN với các tổ chức quốc tế.

7. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; công tác truyền thông về giáo dục mầm non.

7.1 Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 cụ thể:

- Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, ứng dụng nền tảng số phục vụ quản trị nhà trường, phương thức tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; tạo phong trào thực hiện chuyển đổi số trong đội ngũ; khai thác hiệu quả môi trường số trở thành thiết yếu trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại nhà trường.

- Chủ động, rà soát các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, tạo điều kiện hỗ trợ GV trong việc tham gia các khoá tập huấn, bồi dưỡng trên nền tảng số, trang bị thiết bị số sẵn sàng hỗ trợ giáo viên trong thiết kế giáo án điện tử, số hoá tài liệu, học liệu và các nội dung giáo dục, hướng dẫn, hỗ trợ CBQL, giáo viên, cha mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Tạo điều kiện để CBQL, GV tham gia bồi dưỡng nâng cao năng lực số, phát triển kỹ năng, làm việc hiệu quả trên môi trường số; nâng cao năng lực đội ngũ ứng dụng công

nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ em, bồi dưỡng năng lực số hoá tài liệu, học liệu và nội dung giáo dục, khả năng chủ động tham gia các khoá bồi dưỡng, tập huấn online của giáo viên; đổi mới hoạt động sinh hoạt chuyên môn về việc sử dụng được các phần mềm ứng dụng cơ bản trong chăm sóc, giáo dục trẻ em và quản lý nhóm, lớp.

- Phát triển học liệu số phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ nhằm nâng cao chất lượng các kho học liệu số.

7.2. *Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non*

Tăng cường thông tin, truyền thông về các chủ trương, quy định, chính sách mới của ngành, địa phương, nhà trường; tăng cường truyền thông, tôn vinh các tấm gương điển hình, tiêu biểu có nhiều đóng góp phát triển nhà trường.

Tăng cường đầu tư, đăng tin bài về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và các hoạt động của nhà trường. Phối hợp với cơ quan truyền thông tuyên truyền, đưa tin về các sự kiện, các hoạt động giáo dục đảm bảo chính xác, kịp thời, có tính đa chiều, đúng với quy định của pháp luật.

Khuyến khích đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của nhà trường, nhất là các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến trong GV và HS trong nhà trường để khích lệ các CBQL, GV, NV vươn lên, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

8. *Đẩy mạnh thực hiện các phong trào thi đua*

Tiếp tục thực hiện “Học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” và phong trào “Thi đua xây dựng Trường học hạnh phúc” với mục tiêu hướng đến xây dựng môi trường giáo dục hiện đại, văn minh và nhân văn.

Nâng cao nhận thức về vai trò của công tác thi đua, khen thưởng; đổi mới công tác thi đua, khen thưởng, để thi đua trở thành động lực nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; khuyến khích, tạo điều kiện, môi trường để đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đổi mới, sáng tạo trong công tác giảng dạy, quản lý, hăng hái thi đua, năng động, sáng tạo, lập thành tích thiết thực chào mừng các ngày lễ lớn trong năm, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch nhiệm vụ năm học 2025-2026. Chủ động phát hiện, biểu dương và nhân rộng các tấm gương người tốt, việc tốt trong nhà trường kịp thời.

Tuyên dương, khen thưởng các tập thể lớp có thành tích xuất sắc trong công tác đảm bảo chất lượng; duy trì số lượng, đảm bảo tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần theo học kỳ, theo năm học.

9. *Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra theo thẩm quyền*

Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ, có sự tham gia giám sát của Ban đại diện cha mẹ trẻ em hiệu quả. Đề cao vai trò thúc đẩy, tư vấn, hỗ trợ, tránh hình thức gây áp lực cho cán bộ quản lý, giáo viên.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra việc triển khai các chủ trương của Đảng và thực hiện chính sách, pháp luật trong lĩnh vực GDMN thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định mới về phân cấp, phân quyền.

10. Tổ chức hội thi, giao lưu, ngày lễ, ngày hội trong năm học

10.1 Hội thi, giao lưu, ngày lễ, ngày hội của trẻ

Hội thi, giao lưu, ngày lễ, ngày hội của trẻ: Hội thi “Bé khỏe, bé ngoan”, cấp trường. Tổ chức các ngày hội, ngày lễ theo kế hoạch.

Giao lưu theo cụm trường.

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, tham quan, trải nghiệm tại doanh trại bộ đội dịp kỷ niệm 22/12, các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh tại địa phương dịp kỷ niệm 7/5...

10.2. Hội thi của giáo viên

Căn cứ nhiệm vụ trọng tâm năm học và tình hình thực tiễn của nhà trường, tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi và tham gia các hội thi, cuộc thi khác của Ngành theo kế hoạch.

10.3. Kinh phí tổ chức hội thi

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên quy định về nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Điện Biên và từ các nguồn tài trợ, hỗ trợ hợp pháp khác.

11. Công tác báo cáo, thống kê:

Công tác tổng hợp báo cáo: Hoàn thiện các báo cáo, thống kê đầy đủ, rõ ràng, nộp báo cáo đúng ngày quy định. Làm báo cáo theo đúng các văn bản hướng dẫn.

Nhập phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia, phần mềm cơ sở dữ liệu về đội ngũ nhà giáo và CBQL theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12. Một số hoạt động khác.

Công tác tài chính kế toán: Chỉ đạo kế toán khi xây dựng dự toán cần phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản thu, chi dự kiến theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức của Nhà nước; Lập dự toán phải theo từng lĩnh vực thu và lĩnh vực chi; Phải đảm bảo nguyên tắc cân đối, chi phải có nguồn đảm bảo; Phải đúng với nội dung theo mục lục ngân sách, lập đúng thời gian và theo hướng dẫn về dự toán của Bộ Tài chính.; Bản dự toán phải lập kèm theo bản thuyết minh dự toán chứng minh căn cứ để tính toán.

Chỉ đạo công tác pháp chế: Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định hiện hành.

Công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân. Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định hiện hành.

Công tác an ninh, trật tự trường học, công tác PCCC: Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định hiện hành.

Công tác dân chủ trong trường học: Nhà trường xây dựng kế hoạch, Quy chế dân chủ, thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định hiện hành.

Công tác tổ chức ăn bán trú: Nhà trường xây dựng Hồ sơ quản lý công tác ăn bán trú riêng đầy đủ theo quy định.

D. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC:

I. Mục tiêu chương trình giáo dục nhà trẻ

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ nhà trẻ phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. Bước đầu hình thành cho trẻ có ý thức về bản thân, những hình tượng ban đầu về thế giới, có cảm nhận về cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.

Trẻ nhà trẻ có được những kỹ năng đơn giản mạnh dạn trong quá trình giao tiếp và nhận thức được một số kỹ năng tự phục vụ bản thân.

1. Phát triển thể chất

1.1 Trẻ 24 tháng.

a) Lĩnh vực phát triển thể chất.

- Trẻ có cân nặng theo chuẩn trẻ trai: 9,7 - 15,3 kg; trẻ gái: 9,1 - 14,8 kg;
- Trẻ có chiều cao theo chuẩn trẻ trai: 81,7 - 93,9 cm; trẻ gái: 80,0 - 92,9 cm;
- Trẻ biết lăn, bắt bóng với cô giáo;
- Trẻ biết xếp tháp, lồng hộp; xếp chồng 3- 4 hình khối;
- Trẻ biết thể hiện một số nhu cầu ăn, uống, vệ sinh bằng cử chỉ, lời nói;

b) Lĩnh vực phát triển nhận thức.

- Trẻ chỉ, gọi được tên một số đồ dùng, đồ chơi, con vật, quả quen thuộc;
- Trẻ chỉ, lấy được đồ vật. Nhận ra 3 màu cơ bản (đỏ, xanh, vàng); Nhận ra một số âm thanh, mùi vị quen thuộc, gần gũi.
- Biết tên cô giáo và các bạn trong lớp.

c) Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ.

- Trẻ làm được theo chỉ dẫn một số yêu cầu đơn giản (Lấy cốc uống nước, lau miệng, cất mũ vào túi, đèn bên cô);
- Trả lời được câu hỏi: Ai đây?, con gì đây? cái gì đây?, ở đâu? Thế nào?;
- Trẻ biết sử dụng từ, câu ngắn trong giao tiếp, nói được câu đơn 2-3 tiếng: Đi chơi, mẹ bế, chào cô, con xin....;

d) Lĩnh vực phát triển tình cảm - kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

- Trẻ có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Trẻ có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Trẻ nhận ra bản thân mình; bố, mẹ, người thân trong gương, trong ảnh... yêu mến bố, mẹ, anh, chị em ruột;
- Trẻ thích nghe hát, vận động theo nhạc; thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh về Bác Hồ;
- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và ở gia đình: Cất đồ dùng cá nhân vào đúng ngăn tủ, đi vệ sinh đúng nơi quy định; không vứt rác bừa bãi;
- Trẻ chơi thân thiện với bạn; Nhận biết hành vi “đúng”-“sai”;

1.2. Trẻ 36 tháng.

a) Lĩnh vực phát triển thể chất:

- Trẻ có cân nặng theo chuẩn trẻ trai: 11,3 - 18,3kg; trẻ gái: 10,8 - 18,1kg; Trẻ có chiều cao theo chuẩn trẻ trai: 88,7-103,5cm; trẻ gái: 87,4-102,7cm;
- Trẻ biết tung - bắt được bóng với người khác ở khoảng cách 1m;
- Trẻ biết ném vào đích nằm ngang (xa 1- 1,2m);
- Trẻ làm được một số việc tự phục vụ: tự xúc ăn, uống nước, cái cúc áo...;

b. Phát triển nhận thức

- Trẻ nói được tên một số bộ phận cơ thể, đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc; Biết bảo vệ con vật và cây cối;
- Nhận ra hình ảnh của mình, bố, mẹ, anh, chị, em, người thân... Yêu mến bố, mẹ, anh, chị em ruột, người thân;
- Trẻ nhận biết và gọi được tên một số thiên tai hay xảy ra ở Điện Biên: Lũ lụt, mưa đá, Giông sét...
- Trẻ nói được tên lớp, cô giáo, một số đồ chơi của lớp; Trẻ chỉ, lấy, gọi tên đồ vật màu đỏ, vàng, xanh; Trẻ chỉ, lấy, cất đồ vật có kích thước to - nhỏ;

c. Phát triển ngôn ngữ

- Trẻ biết sử dụng đúng từ, câu đơn giản trong giao tiếp, phát âm được các âm khó, hay mắc lỗi ở trẻ, diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản;
- Trả lời được câu hỏi: Ai đây?, Cái gì đây?, làm gì?;
- Trẻ đọc được bài thơ ngắn. Hát được bài hát ngắn đơn giản;
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.

d. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

- Trẻ có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Trẻ có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ... khi được nhắc nhở.
- Trẻ biết bắt chước một số hành vi xã hội đơn giản (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại).
- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và ở gia đình: Cất đồ cá nhân vào nơi quy định, đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết chờ đến lượt; không vứt rác bừa bãi; dùng nước vừa đủ.
- Trẻ chơi thân thiện với bạn; Nhận biết hành vi “đúng”-“sai”.
- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh, nghe hát, hát, vận động theo nhạc; Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh về Bác Hồ.
- Trẻ nhận biết và có kỹ năng ứng phó phù hợp khi có Mưa giông, sạt lở đất, biết mưa bão ở trong nhà, làm theo lời người lớn...

II. Kế hoạch thực hiện

1. Phân phối thời gian

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng tại trường mầm non Noong Bua. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ.

Thời điểm nghỉ hè, lễ, tết, nghỉ học kì theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chế độ sinh hoạt

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lí ở các cơ sở giáo dục mầm non nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nền nếp, thói quen tốt và thích nghi với cuộc sống ở nhà trẻ.

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG TUỔI

- Ăn 3 bữa chính và 1 bữa phụ.
- Ngủ: 1 giấc trưa

Thời gian	Hoạt động
50 - 60 phút	Đón trẻ
110 - 120 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
140 - 150 phút	Ngủ

20 - 30 phút	Ăn phụ
50 - 60 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
50 - 60 phút	Chơi/Trả trẻ

III. Hướng dẫn thực hiện

Căn cứ Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và Chương trình giáo dục của nhà trường, giáo viên các lớp xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ (năm học, tháng/chủ đề, tuần, ngày) phù hợp với tình hình của nhóm/lớp và khả năng của cá nhân trẻ trong lớp.

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 – 2026 ĐỘ TUỔI NHÀ TRÈ 24 - 36 THÁNG TUỔI

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
I. Lĩnh vực phát triển thể chất			
* Phát triển vận động			
1	* Cân nặng chiều cao nằm trên kênh A:	Cân nặng của trẻ trai: 11,3 -18,3kg; trẻ gái: 10,8 - 18,1kg Chiều cao của trẻ trai: 88,7-103,5cm; trẻ gái 87,4-102,7cm..	9
2	- Trẻ biết thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục như: Hít thở, tay lung bụng và chân.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra - Tay: + 2 tay giơ lên cao, hạ xuống + 2 tay đưa ra phía trước, hạ xuống + 2 tay đưa sang ngang, hạ xuống + 2 tay đưa về phía trước – đưa về phía sau + 1 tay đưa về phía trước, 1 tay đưa về phía sau. - Lung, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Nghiêng người sang 2 bên + Vặn người sang 2 bên + Cúi người xuống, đứng thẳng người lên + Quay người sang 2 bên phải, trái + Ngửa người ra phía sau - Chân: + Ngồi xuống, đứng lên + Co duỗi từng chân + Đứng nhún chân + Bật tại chỗ	1- > 9

3	<p>- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi chạy thay đổi tốc độ nhanh, chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp, có bê vật trên tay.</p>	<p><i>* Tập đi và chạy:</i> + Đi theo hiệu lệnh. + Đi trong đường hẹp. + Đi có bê vật trên tay + Chạy theo hướng thẳng + Đứng co 1 chân + Đi bước qua gậy kê cao + Đi theo đường ngoằn ngoèo + Đi bước vào các ô + Đi kết hợp chạy + Đi theo hiệu lệnh đi đều + Chạy đổi hướng + Bước lên xuống bậc cao 15cm + Bước lên xuống bậc có vịn + Bước qua vật cản</p>	-1,2,3,4,5,6,7,8
4	<p>Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt, thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném xa, đá bóng, tung, bắt bóng; ném vào đích xa 1 -> 1,2m,</p>	<p><i>* Tập tung ném bắt:</i> + Tung - Bắt bóng cùng cô 1,2-1,5m + Ném bóng về phía trước + Ném xa bằng 1 tay + Ném bóng trúng đích + Tung bóng qua dây + Tung bóng bằng 2 tay + Lăn bóng về phía trước <i>* Tập nhún bật:</i> + Bật tại chỗ + Bật qua vạch kẻ + Bật về phía trước + Nhún bật tại chỗ + Bật qua các vòng + Bật xa bằng 2 chân + Nhún bật về phía trước</p>	- 1,2,3,4,5,6,7,8, 9
5	<p>Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng</p>	<p><i>* Bò trườn trèo:</i> + Bò theo hướng thẳng có vật trên lưng + Bò chui qua cổng + Bò thẳng hướng theo đường hẹp + Bước qua vật cản + Bò theo đường ngoằn ngoèo + Bò theo đường dốc dắc + Trườn chui qua cổng</p>	- 1,3,4,5,6,7,8,9
6	<p>Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném đá bóng ném xa lên phía trước bằng 1 tay(tối thiểu 1,5m)</p>	<p>- Ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5 m)</p>	- 9

7	Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện " múa khéo"	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khảy, đào, vò xé. - Lật mở trang sách - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6-8 khối	- 1,2,3,7,8,9
8	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất, nặn, vẽ tổ chim, xây vòng tay, chuỗi đeo cổ	- Đóng cọc bàn gỗ - Nhón, nhặt đồ vật - Tập cầm bút tô, vẽ - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây.	- 1,2,4,6,7,8
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
9	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau	Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện một số thói quen tốt trong ăn	- 1,2,4,7,9

		uống, ăn chín, uống sôi. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, uống, vệ sinh <i>+ Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau cho cơ thể mau lớn khỏe mạnh, ăn hết xuất, khi ăn không nói chuyện, cầm thìa đúng cách, không làm văng vãi cơm ra bàn.</i>	
10	- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa	- Luyện tập thói quen ngủ 1 giấc trưa <i>Nói với người lớn khi có nhu cầu buồn ngủ, chuẩn bị chỗ ngủ cùng cô.</i>	- 3,6,8
11	- Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu vệ sinh	- 3,5, 9
12	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ như: lấy nước uống đi vệ sinh	Luyện tập một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; bỏ rác đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt	- 3,7,8
13	Trẻ biết chấp nhận đội mũ khi nắng đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh	- Tự phục vụ: xúc cơm, uống nước; mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo; chuẩn bị chỗ ngủ	- 2,4,7,9

14	Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở	<input type="checkbox"/> Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần . - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh <i>Tránh sờ vào ổ điện, tự cắm phích điện, phích nước nóng, chơi với dao, tới gần giếng nước...</i>	- 4,5,6,8
15	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lan can, các vật sắc nhọn...) và tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Một số hành động gây nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- 6,7,9

II. Lĩnh vực phát triển nhận thức

16	Trẻ sờ nắn nhìn nghe ngửi, ném để nhận biết đặc điểm của đối tượng .	- Tìm đồ vật vừa cất giấu <input type="checkbox"/> Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Ném vị của một số thức ăn, quả, ngọt, mặn chua. - Một số hiện tượng tự nhiên: + <i>Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.</i> + <i>Không chơi ngoài trời nắng, đội mũ, nón khi trời nắng, trời mưa mặc áo mưa...</i>	- 1,2,3,4,5,6,7, 8,9
----	--	---	----------------------

17	Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi - <i>Đi bộ phải đi trên vỉa hè khi qua đường phải đi cùng người lớn, không được nô đùa trên đường...</i> - <i>Cất đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định</i> 	- 2, 4,8
18	Trẻ nói được tên, các chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân... <i>giáo dục trẻ biết giữ gìn vệ sinh các bộ phận trên cơ thể.</i> - Tên đặc điểm bên ngoài của bản thân. - <i>Bạn trai bạn gái biết đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau khi tham gia vào các hoạt động trong lớp</i> 	- 1,9
19	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi	<ul style="list-style-type: none"> - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình - <i>Các thành viên trong gia đình biết đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau</i> - Tên cô giáo các bạn và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường - Các hoạt động của cô cấp dưỡng. Trẻ nói được tên cô giáo và các bạn, trẻ nói được 	- 3,4,9
		<ul style="list-style-type: none"> tên và công việc của các cô cấp dưỡng - <i>Bạn trai bạn gái biết đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau khi tham gia vào các hoạt động trong lớp</i> 	

20	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Trẻ nói được tên, đặc điểm của con vật như: Con gà, vịt, trâu, bò, cá cua - Trẻ nói được tên, đặc điểm của các loại hoa quả như: Quả cam, chuối, khế, Hoa hồng, hoa cúc - Ăn nhiều hoa quả cho cơ thể mau lớn và khỏe mạnh khi rửa sạch, gọt vỏ, bỏ hạt. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật gần gũi. 	- 5,6,7
21	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói hoặc chỉ được tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng /xanh theo yêu cầu.. .. 	<ul style="list-style-type: none"> - Màu đỏ, vàng, xanh. - Hình tròn, hình vuông. 	- 1,2,3,4,5,6,7,8
22	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước (to/nhỏ), theo yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Kích thước to - nhỏ. - Số lượng một - nhiều. 	- 5,8,9
III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
23	<ul style="list-style-type: none"> * Nghe hiểu lời nói Trẻ thực hiện được nhiệm vụ 2-3 hành động VD: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay 	<ul style="list-style-type: none"> * Nghe - Trẻ nghe được và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói và hành động VD: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay 	- 4,7,8
24	<ul style="list-style-type: none"> Trẻ biết trả lời các câu hỏi như: Ai đây? Cái gì đây? Làm gì? Thế nào? VD: Con gà gáy như thế nào?... 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết nghe và thực hiện các câu hỏi đơn giản như: Cái gì ? Làm gì? ở đâu, như thế nào? 	-1,2,3, 7, 9
25	<ul style="list-style-type: none"> Trẻ hiểu được những nội dung của các câu truyện ngắn đơn giản. Trẻ trả lời 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết nghe và hiểu được những nội dung của các câu truyện . Trẻ trả lời nói được tên truyện, tên các hành động của các 	-1,2, 4,5,6,7,8,9

	được các câu hỏi về tên truyện, tên các hành động của các nhân vật	nhân vật	
26	Trẻ phát âm rõ tiếng	<p>* Nói:</p> <p>- Gọi tên, đặc điểm các đồ vật, hành động quen thuộc trong khi giao tiếp và phát âm rõ ràng, không ngọng, không lắp.</p>	- 1,2,6,9
27	Trẻ đọc thuộc được các bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo	<p>· Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3- 4 tiếng</p> <p>- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.</p>	- 1,2,3,4,5,6,7,8,9
28	Trẻ nói được các câu đơn giản có 5 -7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động đặc điểm quen thuộc.	<p>· Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.</p> <p>- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.</p>	- 4,8,9
29	Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau như: Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân Hỏi về các vấn đề quan tâm như: Con gì đây? Cái gì đây	<p>- Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì? làm gì? ở đâu? thế nào? để làm gì? tại sao?...</p>	- 4,5 ,9
30	Trẻ biết nói to, nói đủ nghe, lễ phép.	<p>- Sử dụng các từ ngữ thể hiện lịch sự, lễ phép khi nói chuyện với người lớn và nội người xung quanh trẻ</p>	- 2,3,4, 8
31	Trẻ biết cầm sách đúng chiều, giở sách từng trang và đọc vẹt theo tranh minh họa.	<p>* Làm quen với sách</p> <p>- Lắng nghe khi người lớn đọc sách, - Xem tranh và gọi tên các đồ dùng, con vật rau củ, phương tiện giao thông...</p>	- 2,3,5,6, 8

IV .Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

32	Trẻ nói được vài thông tin về mình (Tên, tuổi).	- Tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. <i>Bạn trai bạn gái biết đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau khi tham gia vào các hoạt động trong lớp</i>	- 1,3,4
33	Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.	- 2,3,8
34	Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh	- 3,4,6,9
35	Trẻ nhận biết và biểu lộ được các trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi...qua nét mặt cử chỉ.	- Trẻ nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận	- 4,8,9
36	Trẻ biểu lộ cảm xúc như: Vui buồn, sợ hãi qua nét mặt cử chỉ...	Trẻ thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận	- 3,5,6,8
37	Trẻ biểu lộ sự thân thiện với 1 số con vật quen thuộc/gần gũi: Bắt chiếc tiếng kêu, gọi	- Trẻ biết quan tâm đến các vật nuôi	- 5
38	Trẻ biết chào tạm biệt cảm ơn ạ, vâng ạ nói lời lễ phép.	Trẻ thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn. <i>- Trẻ chơi đoàn kết không cắn, đánh bạn</i>	- 1,2,4,6,9
39	Trẻ biết số hành vi xã hội đơn giản qua các trò chơi giả bộ như: Trò chơi bế em, khuấy bột cho em ăn, nghe điệm thoại...	- Trẻ biết giao tiếp với những người xung quanh Trẻ biết thể hiện một số yêu cầu của người lớn	- 1,2,3,6, 7,9
40	Trẻ biết chơi thân thiện bên cạnh trẻ khác	Trẻ biết chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. <i>- Chơi cạnh bạn không cầu, cắn, bạn</i>	- 3,5,8

41	Trẻ thực hiện được một số yêu cầu của người lớn	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định. 	- 4,6,7,9
42	Trẻ biết hát, biết vận động đơn giản một vài bài hát/ Bản nhạc quen thuộc.	<p><i>*Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. 	- 1,2,3,4,5,6,7,8,9
43	Trẻ biết và thích di màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh, cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc.	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh. 	- 1,2,3,4,5,6,7,8,9

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN NĂM HỌC 2025-2026

Thời gian (Tháng , Từ ngày ... đến ngày)	ST T	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	- Lễ hội	Điề u chỉ nh h bổ xun g
08/09 - 26/09	01	Trường mầm non (3 tuần)	Lớp học của bé	1 T (8/9- 12/9)	- Ngày hội đến trường của bé 05/09	
			Lớp học của bé	1(15/9- 19 /9)		
			Trường MN Noong bua của bé	1 (22/9- 26/9)		
29/09 - 24/10	02	Bản thân (4 tuần)	Bé hãy giới thiệu về mình	1 (29/9 -3/10)	- Ngày thành lập hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam 20/10	
			Tết Trung Thu	1 (6/10- 10/10)		
			Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1 (13/10 - 17/10)		
			Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1 (20 /10 - 24/10)		
27/10-21/11	03	Gia đình của bé (4 tuần)	Mời bạn đến thăm gia đình tôi	1 (27/10 - 31/10)	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	
			GD sống chung một ngôi nhà	1 (3/11 - 7/11)		
			Nhu cầu gia đình (T1)	1 (10/11-14/11)		
			Nhu cầu gia đình (T2)	1 (17/11-21/11)		
24/11 - 9/1 2025	04	Các nghề phổ biến (6 tuần)	Nghề GV	1 (24/11- 28/11)	- Ngày hội quốc phòng toàn dân 22/12	
			Nghề xây dựng	1 (1/12 - 5/12)		
			Nghề chăm sóc sức khỏe	1 (8/12 - 12/12)		
			Nghề may – nghề mộc	1 (15 - 19/12)		
			Nghề giúp đỡ cộng đồng	1 (22 - 26/12)		
			Nghề nông	1 (29/12- 2/1/2026)		
6/1/2025 – 21/02/2025	05	Thế giới động vật (5 tuần)	Một số con vật nuôi trong gia đình (Gia cầm	1(5/1 - 9/1/2026)		

			Một số con vật nuôi trong gia đình (Gia súc)	12-/1 -16/1/2026		
			Một số con vật sống trong rừng	1 (19/1-23/1/2026)		
			Một số con vật sống dưới nước	26/1-30/1 /2026		
			Một số côn trùng	1(2/2 -6/2/2026		
24/02 -	06	Thế giới thực vật (6 tuần)	Bé vui đón tết	9/2 -13/2 (14/2 -22/2) Nghi tết	- Ngày hội 8/3	
			Bé với cây xanh	23/2 -27/2		
			Ngày hội 8/3	2/3 -6/3/2026		
			Hoa đẹp quanh bé	2T (9/3 -13/3/2026)		
			Vườn rau của bé	1T (16/3 -20/3/2025)		
			Cây cho bé quả ngọt	1T (23/3-27/3/2025)		
1/04 -8/04	07	Giao thông (2 tuần)	1 số phương tiện giao thông	1T (30/3 -3/4/2026)	Giỗ tổ Hùng vương	
			1 số quy định giao thông	1T (6/4 -10/4/2026)		
15/04 -26/04	08	Nước và 1 số hiện tượng tự nhiên (2 tuần)	Nước	1T (13/4 -17/4/2026)1T		
			Mùa hè -Một số hiện tượng tự nhiên	20/4 -24/4/2025		
29/04 –24/05	09	Quê hương - Bác Hồ - Tết thiếu nhi (3 tuần)	ÔN TẬP	(27/4-1/5/2026)	30/4;1/5 Ngày sinh chủ tịch HCM 19/5	
			Quê hương Điện Biên của em	1T (4/5 -8/5/2026)		
			Bác Hồ kính yêu	1T (11/5 -15/5/2026)		
			Tết thiếu nhi 1/6	1T (18/5 -22/5/2026)		

IV. Mục tiêu chương trình giáo dục Mẫu giáo

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa các mặt về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học tiểu học.

1. Phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

2. Phát triển nhận thức

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. Trẻ có khả năng thiết kế, chế tạo

- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...)

với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

- Trẻ nghe nhắc lại được từ chỉ số từ 1-10, nghe và nhận diện, nhận biết được 1 số từ Tiếng Anh chỉ tên người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi.

3. Phát triển ngôn ngữ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

- Trẻ nhắc lại được, gọi tên được đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản quen thuộc và phù hợp với lứa tuổi và trong phạm vi tiếng Anh được làm quen

- Trẻ nghe và thực hiện được 1 số câu lệnh, yêu cầu tiếng Anh đơn giản, quen thuộc phù hợp với lứa tuổi, nghe hiểu nội dung truyện tranh đơn giản phù hợp với lứa tuổi.

- Trẻ nhắc lại, đọc theo được 1 số câu vắn, câu thơ tiếng Anh đơn giản, quen thuộc phù hợp với lứa tuổi.

- Trẻ tô màu được 1 số nét, chữ cái Tiếng Anh

4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội

- Có ý thức về bản thân, **biết coi trọng bản thân**.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện và **kiểm soát cảm xúc** của bản thân, **chế ngự hành vi cá nhân tiêu cực, đồng cảm** với mọi người xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực, **khiêm tốn, giản dị, trung thực**.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ, **chấp nhận chính kiến của người khác**, yêu thương, **trách nhiệm, khoan dung, đoàn kết, kỹ năng kiểm soát cảm xúc của bản thân**.
- Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

- **Nhận biết, thái độ và hành vi** bảo vệ môi trường xung quanh

- Trẻ hứng thú trong các hoạt động làm quen với Tiếng Anh, thích tìm hiểu, khám phá các nền văn hóa khác, mạnh dạn tự tin trong giao tiếp.

5. Phát triển thẩm mỹ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

- Trẻ hát theo, hát được 1 số bài hát Tiếng Anh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi

V. Kế hoạch thực hiện

1. Phân phối thời gian

Chương trình thiết kế trong 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng tại trường mầm non Noong Bua. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế tại nhà trường.

Thời điểm nghỉ hè, lễ, tết, nghỉ học kì theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chế độ sinh hoạt

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày ở cơ sở giáo dục mầm non một cách hợp lí nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lí của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành thái độ, nề nếp thói quen và những kĩ năng sống tích cực.

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ MẪU GIÁO

HOẠT ĐỘNG	Thời gian		
	Mẫu giáo bé	Mẫu giáo nhỡ	Mẫu giáo lớn
Đón trẻ, chơi, thể dục sáng, ăn sáng	80-90 phút	80-90 phút	80-90 phút
Học	20-25 phút	25-30 phút	30 - 35 phút
Chơi ngoài trời	30 - 40 phút	30 - 40 phút	30 - 40 phút
Chơi, hoạt động ở các góc	40- 50 phút	40- 50 phút	40- 50 phút
Ăn bữa chính	60 - 70 phút	60 - 70 phút	60 - 70 phút
Ngủ	140 - 150 phút	140 - 150 phút	140 - 150 phút
Ăn bữa phụ	20 - 30 phút	20 - 30 phút	20 - 30 phút

Chơi, hoạt động theo ý thích	70 - 80 phút	70 - 80 phút	70 - 80 phút
Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ	60 - 70 phút	60 - 70 phút	60 - 70 phút

VI. Hướng dẫn thực hiện

Căn cứ Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và Chương trình giáo dục của nhà trường, giáo viên các lớp xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ (năm học, tháng/chủ đề, tuần, ngày) phù hợp với tình hình của nhóm/lớp và khả năng của cá nhân trẻ trong lớp.

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC KHỐI MẪU GIÁO

A. LỚP MẪU GIÁO 3- 4 TUỔI

1. Lớp NG 3-4 T B1

1.1. Mục tiêu, nội dung.

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động.			
1	Cân nặng chiều cao nằm trong kênh A	-Trẻ trai: cân nặng 12,9 – 20,9 kg (16,7± 3,8 kg) - Chiều cao: 94,4 -111,5 cm (102,9 ± 8,5 cm) - Trẻ gái: cân nặng đạt 12,6 – 20,7 kg (16,0 ±3,0 kg) - Chiều cao: 93,5 -109,6 cm (101 ± 7,1 cm)	9
2	- Trẻ thực hiện đầy đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	Thực hiện đầy đủ các động tác theo nhịp bài hát phù hợp với chủ đề - Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + Đưa tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay , bắt chéo hai tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: + Đứng cúi về trước. + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang	1,2,3,4,5,6,7,8,9

		<ul style="list-style-type: none"> + Ngồi xổm, đứng lên + Bật tại chỗ. - Co duỗi chân 	
3	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi hết đoạn đường hẹp(3m x 0,2m) + Đi kiễng gót liên tục 3m - Trẻ kiểm soát được vận động khi thay đổi tốc độ vận động đi chạy, nhảy + Đi / chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh + Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy - Đi kiễng gót + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Đi, chạy thay đổi theo hướng đường dích dắc. + Đi trong đường hẹp 20cm + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát + Đi theo đường hẹp–bước lên xuống ghề. + Đi chạy theo cô + Đi theo đường dích dắc + Chạy theo đường dích dắc + Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc. 	1,2,3,4,5,6,7
4	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có thể phối hợp tay mắt trong vận động + Tung bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cánh 2,5m) -Tự đập bắt bóng 3 lần liên (Đường kính bóng 18cm) 	<ul style="list-style-type: none"> + Chuyển bóng theo hàng ngang + Chuyển bóng theo hàng dọc + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. + Đập và bắt bóng với cô + Đập và bắt bóng bằng 2 tay + Tung và bắt bóng với cô + Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay. 	1,2,3,4,5,6,8,9
5	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thể hiện nhanh mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp + Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng + Ném trúng đích nằm ngang (xa 1,5m) - Bò trong đường hẹp (3x0,4m) không chệch ra ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> * Bò trườn, trèo: + Bò dích dắc qua 3 điểm + Trườn về phía trước + Bò thấp chui qua cổng + Bò trong đường hẹp. + Bò thấp theo đường dích dắc + Trườn sấp chui qua cổng + Trườn theo hướng dích dắc + Bước lên xuống bục cao 30cm *Ném + Ném trúng đích bằng 1 tay + Ném trúng đích nằm ngang *Bật – nhảy + Bật tại chỗ + Bật về phía trước + Bật xa 20-25cm 	1,2,3,4,5,6,7,9
6	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thực hiện được các vận động: + Xoay cổ tay + Gập đan ngón tay vào nhau 	<ul style="list-style-type: none"> - Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay - <i>Giáo dục trẻ thường xuyên tập luyện thể dục mỗi ngày để có sức</i> 	1,2,3,4,5,6,7,8,9

	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp được các cử động của bàn tay , ngón tay trong một hoạt động: + Vẽ được hình tròn theo mẫu + Cắt được đoạn thẳng 10cm + Xếp được 8-10 khối gỗ không đồ + Tự cài cởi cúc 	<p><i>khỏe tốt, cơ thể phát triển hài hòa, cân đối</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đan, tết - Sử dụng kéo , bút - Tô vẽ nguệch ngoạc - Xé dán giấy - Xếp chồng các hình khối khác nhau - Cài cởi cúc 	
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
7	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh. -Trẻ nhận biết một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau... - Trẻ biết được ăn để chóng lớn khỏe mạnh, chấp nhận ăn các loại thức ăn khác nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Sâu răng, suy DD, béo phì, ỉa chảy...) - <i>Biết yêu quý và giữ gìn vệ sinh cá nhân, ăn uống đủ chất, hằng hái tập luyện thể dục để mỗi ngày đều có sức khỏe tốt, cơ thể phát triển khỏe mạnh, hài hòa, cân đối.</i> 	2
8	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thực hiện một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn. - Rửa tay, lau mặt, súc miệng - Tháo tất cởi quần, cởi- áo - Trẻ sử dụng được bát thìa, cốc đúng quy cách. 	<p><i>-Trẻ biết giữ gìn vệ sinh: rửa tay trước và sau khi ăn , sau khi đi vệ sinh, tắm rửa sạch sẽ, đánh răng, rửa mặt</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Sử dụng đồ dùng cá nhân - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn ngủ, vệ sinh. 	2,3
9	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở uống nước đã đun sôi - Trẻ có hành vi tốt trong vệ sinh cá nhân, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: vệ sinh răng miệng đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi giép, đi giày khi đi học - Biết nói với người lớn khi bị đau chảy máu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết được lợi ích của việc ăn chín uống sôi... - <i>Trẻ biết ăn mặc gọn gàng, sạch sẽ, phù hợp với hoàn cảnh,biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.</i> - Thể hiện lời nói nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm 	2, 4,8

		- Kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu, rủi ro thiên tai và bảo vệ môi trường	
10	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận ra một số vận dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở. - Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.(Hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi) - Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở. - Không cuồi đùa trong khi ăn uống, hoặc khi ăn các loại quả có hạt - Không tự lấy thuốc uống - Không leo trèo bàn ghế lan can - Không nghịch các vật sắc nhọn - Không theo người lạ khi ra khỏi khu vực trường lớp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. (Bàn là, bếp đang đun, phích nước - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ 	1,2,3,4,5,6,7,8,9

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức.

a. Khám phá khoa học:

11	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng. - Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nghe nhìn, sờ, ngửi....nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng - Trẻ làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát tìm hiểu đối tượng. VD: Thả các vật vào nước nhận biết chìm hay nổi - Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng , Phân loại đối tượng theo dấu hiệu nổi bật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện tượng nắng mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ - NB gọi tên của 1 số mùa bằng tiếng Anh - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm - Nhận biết và phòng tránh một số thiên tai, biến đổi khí hậu thường xảy ra tại địa phương, làm quen với việc bảo vệ môi trường, bảo vệ khí hậu tự nhiên - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. - Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông 	8
----	---	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - <i>Nhận biết được đặc điểm, nguyên nhân, những thiệt hại và cách phòng tránh thiên tai</i> <i>Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với cuộc sống con người</i> -<i>Trồng cây phù hợp, không độc hại. Phân loại rác thải</i> 	
12	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật và hiện tượng quen thuộc khi được hỏi. * <i>Trẻ có thể nhận biết và gọi tên bằng tiếng anh: Tên người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi <i>Làm đèn ông sao: Đặc điểm cấu tạo, nguyên tắc sử dụng đèn ông sao</i> <i>Làm ống nhòm: đặc điểm, cách làm, cách sử dụng của ống nhòm.</i> <i>Làm pháo hoa giấy: đặc điểm cách làm pháo hoa giấy, cách sử dụng...</i> -<i>Nhận biết gọi tên của 1 số đồ dùng đồ chơi bằng tiếng Anh</i> - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc -<i>Nhận biết gọi tên của 1 số phương tiện giao thông bằng tiếng Anh</i> 	2,4,7
13	<ul style="list-style-type: none"> -Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... * <i>Trẻ có thể nhận biết và gọi tên bằng tiếng anh: Tên người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc - Mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống của chúng - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gân gũi - <i>Nhận biết gọi tên 1 số con vật, cây, hoa, quả gần gũi, bằng tiếng Anh</i> 	5,6
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán:			
14	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng. - Trẻ đếm trên đối tượng giống nhau và đếm đến 5. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng -<i>Nghe và nhắc lại các số từ 1-5 bằng tiếng Anh</i> - 1 và nhiều. - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm 	

	<p>- Trẻ nghe và nhắc lại các số từ 1-5 bằng tiếng Anh</p> <p>- Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.</p> <p>-Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5</p> <p>- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.</p>	<p>- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ</p>	1,2,3,4,5,6,7
15	-Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và sao chép lại.	+ Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi.	3
16	- Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn - nhỏ hơn , dài hơn - ngắn hơn , cao hơn- thấp hơn bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước. - Xếp xen kẽ	2,5,8
17	- Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật.	- Nhận biết gọi tên gọi các hình, : tròn, vuông, tam giác, chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để ghép.	1,6,7
18	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- <i>Phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.</i>	3,4
c. Khám phá xã hội			
19	- Trẻ nói được tên tuổi giới tính. Của bản thân khi được hỏi trò chuyện	- Tên tuổi, giới tính của bản thân. - Trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể cùng làm một nhiệm vụ giống nhau	2
20	- Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình - Trẻ nói được địa chỉ gia đình khi được hỏi khi trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình	- Tên của bố mẹ, thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình. - Yêu thương, kính trọng ông bà cha mẹ, những người thân trong gia đình. - Làm những công việc vừa sức giúp đỡ cha mẹ và những người xung quanh trẻ	3
21	- Trẻ nói được tên trường lớp cô giáo, bạn , đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, khi trò chuyện	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo - Tên các bạn, đồ dùng đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường mầm non	1,4

		<p>- Giáo dục trẻ kính trọng, lễ phép với thầy cô giáo, các cô bác trong trường mầm non</p> <p>- Nhận biết, gọi tên 1 số từ Tiếng Anh chỉ tên người đồ vật, sự vật, hành động ở trường, gia đình..... quen thuộc</p>	
22	<p>Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương:</p> <p>- Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng khi được hỏi, xem tranh</p>	<p>- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến tại địa phương</p> <p>- Đàn ông và phụ nữ đều có thể cùng làm một công việc giống nhau.</p>	4
23	<p>- Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày tết trung thu, ngày khai giảng qua trò chuyện và tranh ảnh</p> <p>- Trẻ biết kể tên một số danh lam thắng cảnh phong tục tập quán cơ bản ở địa phương.</p>	<p>- Cờ Tổ Quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương</p> <p>- Các ngày lễ hội trong năm: Ngày khai giảng, ngày quốc khánh, ngày trung thu, ngày 20-11, ngày 22-12; ngày tết nguyên đán; ngày 8-3, ngày giỗ tổ Hùng Vương 10-3, ngày sinh nhật Bác, ngày tết thiếu nhi</p> <p>- Tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương (Điện Biên)</p> <p>+ Tìm hiểu về quê hương Điện Biên</p> <p>Làm đèn ông sao: Ngày tết trung thu là ngày đoàn viên, tập trung của các gia đình. Các hoạt động diễn ra trong ngày tết trung thu.</p> <p>Thiết kế ông nhòm: Ngày 22/12 là ngày quân đội NDVN ý nghĩa của ngày lễ. Các hoạt động diễn ra trong ngày 22/12.</p> <p>Làm pháo hoa giấy. Ngày tết cổ truyền dân tộc và các hoạt động diễn ra trong ngày tết.</p>	1,2,3,5,6,9
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
a. Nghe hiểu lời nói			
24	<p>- Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản. Ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.</p>	<p>- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi và quen thuộc</p>	1,2,3,4

	<p>- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa quả...</p> <p><i>* Trẻ DT: - Nghe , hiểu các từ về tên gọi, đặc điểm của 1 số đồ vật con vật gần gũi, quen thuộc,</i></p> <p>- Thực hiện được 1 số yêu cầu cơ bản: Đứng lên, Ngồi xuống, Đi vệ sinh....</p> <p>- Trẻ lắng nghe và trả lời được câu của người đối thoại.</p> <p><i>- Trẻ DT nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát</i></p>	<p>-Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản</p> <p><i>* Trẻ DT: - Nghe , hiểu các từ về tên gọi, đặc điểm của 1 số đồ vật con vật gần gũi, quen thuộc,</i></p> <p>- Thực hiện được 1 số yêu cầu cơ bản: Đứng lên, Ngồi xuống, Đi vệ sinh....</p> <p>- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.</p> <p>- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.- Nghe các bài hát, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp độ tuổi.</p> <p><i>- Trẻ DT nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát</i></p>	
b. Nói			
25	<p>- Trẻ nói rõ các tiếng.</p> <p>- Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm</p> <p>-Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép</p> <p><i>*Trẻ DT: -Nói rõ các tiếng cơ bản trong Tiếng việt.</i></p> <p><i>- Biết trả lời và hỏi 1 số câu hỏi đơn giản: Ai đây? Cái gì đây? Con gì đây?</i></p> <p><i>* Trẻ DT: - Sử dụng được các từ câu đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày.</i></p> <p>- Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như đi thăm ông bà đi chơi, xem phim.....</p>	<p>- Phát âm các tiếng của tiếng Việt</p> <p><i>- Nói rõ ràng từ, câu tiếng việt phù hợp với giao tiếp hàng ngày, tự tin khi giao tiếp (Đối với trẻ dân tộc phát âm rõ các tiếng trong tiếng việt)</i></p> <p>- Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào?</p> <p>- Kể lại sự việc.</p> <p>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</p> <p>- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ</p>	8,9
26	<p>- Trẻ đọc thuộc thơ, ca dao, đồng dao...</p>	<p>- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.</p>	1,2,3,4,5,6,7,8,9

	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn Trẻ bắt chước giọng nói của những nhân vật trong truyện. 	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Trẻ biết và làm các việc tốt thông qua các nhân vật trong thơ, truyện</i> - Kể lại một vài tình tiết câu chuyện đã được nghe . - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên 	
27	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ sử dụng các từ: vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp. <i>Trẻ DT: Thể hiện hành vi văn minh trong giao tiếp (Chào hỏi, cảm ơn, nhìn vào mặt người nói)</i> - Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép <i>Trẻ DT; Sử dụng đúng từ ngữ trong giao tiếp hằng ngày Lễ phép trong giao tiếp</i> - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng câu đơn, câu đơn mở rộng - <i>Trẻ DT: biết bày tỏ nhu cầu, hiểu biết của bản thân bằng câu đơn, câu ghép</i> 	1,2,3,4,5,6,7,8,9
c. Làm quen với đọc và viết:			
28	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh - Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh. - trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo GT: đường cho người đi bộ,...) - Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc, viết tiếng Việt: <ul style="list-style-type: none"> + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách. - <i>Trẻ DT: Làm quen với cách sử dụng sách, bút</i> 	1,2,3,4,5,6,7,8,9
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và KNXH			
a. Phát triển tình cảm			

29	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Trẻ nói được điều bé thích, không thích - Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, khi trả lời câu hỏi - Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao(chia giấy vẽ, xếp đồ chơi... 	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, tuổi, giới tính. - Những điều bé thích, không thích - Biết yêu thương, giúp đỡ bạn yếu hơn mình, biết vui chơi đoàn kết, yêu thương, chia sẻ - <i>Nhắc lại được, nói từ chỉ tên người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh</i> 	1,2,3
30	<p>Nhận cảm xúc: Vui buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết biểu lộ cảm xúc vui buồn sợ hãi, tức giận 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn sợ hãi, tức giận) qua nét mặt cử chỉ giọng nói; -Biểu lộ cảm xúc qua nét mặt; hát, vận động cử chỉ, giọng nói, trò chơi 	1,2,3,4,5,6,7,8,9
31	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ - Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kính yêu Bác Hồ - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước - <i>Tên và một số địa điểm nổi bật của một số địa danh liên quan đến Bác Hồ: lăng Bác, thủ đô Hà Nội, quê hương Bác Hồ, nơi Bác sống và làm việc</i> - <i>Biết tự hào, yêu quê hương đất nước</i> 	9
b. Phát triển kĩ năng xã hội			
32	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ -Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở -Chú ý nghe khi cô, bạn nói -Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số nội quy của lớp và gia đình(đồ dùng đồ chơi để đúng chỗ) -Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn) - Chờ đến lượt - Yêu mến bố mẹ anh chị em ruột - Chơi hoà thuận với bạn - Nhận biết hành vi” đúng” – Sai- Tốt- Xấu 	1,2,3
33	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ quan tâm đến môi trường: - Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây - Bỏ rác đúng nơi quy định 	<ul style="list-style-type: none"> -Tiết kiệm điện nước, - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối 	5,6,8
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			

34	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng. - Trẻ chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện - Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng,..) của các tác phẩm tạo hình 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật 	1,2,3,4,5,6,7,8,9.
35	<ul style="list-style-type: none"> - Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. - Trẻ vận động theo bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa). 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe các bài hát, bản nhạc, nhạc thiếu nhi, dân ca. - Hát đúng giai điệu, lời bài hát. - Vận động đơn giản theo, bài hát, bản nhạc. - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp 	1,2,3,4,5,6,7,8,9
36	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý - Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản. - Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản 	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Sử dụng các nguyên vật liệu tạo ra sản phẩm</i> - <i>Sử dụng một số kỹ năng vẽ, tô màu để tạo ra sản phẩm đơn giản.</i> - Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé rán, để tạo ra sản phẩm đơn giản. Làm ống nhòm bằng các nguyên vật liệu từ thiên nhiên: Sử dụng các nguyên vật liệu từ thiên nhiên để làm ống nhòm sinh động. Cách sắp xếp giữa các chi tiết hài hòa, hợp lý. Làm đèn ông sao: Sử dụng các nguyên vật liệu từ giấy bóng màu, nan tre, keo dán... Làm pháo hoa giấy sử dụng các nguyên vật liệu Lõi giấy vò chai nhựa, bìa cát tông, len cúc áo, keo dán ...để làm pháo hoa giấy 	1,2,3,4,5,6,7,8,9

37	- Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn tạo thành sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Trẻ biết sử dụng một số kỹ năng xoay tròn, lăn dọc, ấn dẹt đất nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản	1,2,3, 5
38	- Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	- Trẻ biết sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra một số sản phẩm đơn giản	3,4
39	- Trẻ lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát	- Vận động theo ý thích khi hát, nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	7,8,9
40	- Trẻ tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm của mình	1,2,3,4,5,6,7,8,9

1.2. Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện.

Thời gian (Tháng , Từ ngày ... đến ngày)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	- Lễ hội	Điều chỉnh bổ sung
08/09 - 26/09	01	Trường mầm non (3 tuần)	Lớp học của bé tuần 1	8/9- 12/9/2025	- Ngày hội đến trường của bé 05/09	
			Lớp học của bé tuần 2	15/9- 19/9/2025		
			Trường mầm non	22/9- 26/9/2025		
29/09 - 24/10	02	Bản thân (4 tuần)	Bé hãy giới thiệu về mình	29/9 - 3/10/2025	- Ngày thành lập hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam 20/10	
			Trung thu cùng bé	6/10- 10/10/2025		
			Tôi cần gì để lớn lên và khoẻ mạnh tuần	13/10- 17/10/2025		
			Tôi cần gì để lớn lên và khoẻ mạnh tuần 2	20/10- 24/10/2025		
27/10-21/11	03	Gia đình của bé (4 tuần)	Mời bạn đến thăm gia đình tôi	27/10 - 31/10/2025	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	
			Gia đình sống chung một ngôi nhà	3/11- 7/11/2025		
			Các thành viên trong gia đình	10/11 - 14/11/2025		

			Ngày nhà giáo Việt Nam	17-21/11/2025		
24/11 - 2/12/2025	04	Các nghề phổ biến (6 tuần)	Nghề giáo viên	24-28/11/2025	- Ngày hội quốc phò ng toàn dân 22/12	
			Nghề xây dựng	1/12-5/12/2025		
			Nghề chăm sóc sức khoẻ	8/12 - 12/12/2025		
			Nghề may-mộc	15-19/12/2025		
			Nghề giúp đỡ cộng đồng	22/12 - 26/12/2025		
			Nghề nông	29/12 - 2/1/2026		
5/1/2026 – 13/02/2026	05	Thế giới thực vật (5 tuần)	Bé với cây xanh	5- 9/1/2026	- Tết nguyên đán 2026	
			Ôn tập	21-16/2/2026		
			Vườn rau của bé	19-23/1/2026		
			Cây cho bé quả ngọt	26-30/1/2026		
			Hoa đẹp quanh bé	2-6/2/2026		
			Bé vui đón tết và mùa xuân	9-13/2/2026		
			Nhĩ tết nguyên đán từ 16/2 đến 20/2/ 2026			
23/2-3/4/2026	06	Thế giới động vật (6 tuần)	Một số con vật sống trong gia đình tuần 1	23-27/2/2026	- Ngày hội 8/3	
			Ngày hội 8/3	2-6/3/2026		
			Một số con vật nuôi trong gia đình tuần 2	9 -13/3/2026		
			Một số con vật sống trong rừng	16 - 20/3/2026		
			Một số con vật sống dưới nước	23 - 27/3/2026		
			Một số con côn trùng	30/3 - 3/4/2026		
6- 17/4/2026	07	Giao thông (2 tuần)	Một số phương tiện giao thông	6 - 10/4/2026	- Giỗ tổ Hùng	

			Một số quy định giao thông	13 - 17/4/2026	vườn g	
20/04 – 8/5/2026	08	Nước và 1 số hiện tượng tự nhiên (2 tuần)	Nước	20 - 24/4/2026		
			Ôn tập	27/4 - 1/5/2026		
			Mùa hè và hiện tượng tự nhiên	4-8/5/2026		
11-29/5/2026		Quê hương đất nước - Bác Hồ tết thiếu nhi (3 tuần)	Điện Biên quê hương em	11 - 15/5/2026		

2. Lớp MG 3-4T B2

2.1. Mục tiêu, nội dung

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động.			
1	Cân nặng chiều cao nằm trong kênh A	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ trai: cân nặng 12,9 – 20,9 kg (16,7± 3,8 kg) - Chiều cao: 94,4 -111,5 cm (102,9 ± 8,5 cm) - Trẻ gái: cân nặng đạt 12,6 – 20,7 kg (16,0 ±3,0 kg) - Chiều cao: 93,5 -109,6 cm (101 ± 7,1 cm) 	9
2	- Trẻ thực hiện đầy đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện đầy đủ các động tác theo nhịp bài hát phù hợp với chủ đề - Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay , bắt chéo hai tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Đứng cúi về trước. + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: 	1,2,3,4,5,6,7,8,9

		<ul style="list-style-type: none"> + Bước lên phía trước, bước sang ngang + Ngồi xổm, đứng lên + Bật tại chỗ. - Co duỗi chân 	
3	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi hết đoạn đường hẹp(3m x 0,2m) + Đi kiễng gót liên tục 3m - Trẻ kiểm soát được vận động khi thay đổi tốc độ vận động đi chạy, nhảy . + Đi / chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh + Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy - Đi kiễng gót + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Đi, chạy thay đổi theo hướng đường dích dắc. + Đi trong đường hẹp 20cm + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát + Đi theo đường hẹp–bước lên xuống ghế. + Đi chạy theo cô + Đi theo đường dích dắc + Chạy theo đường dích dắc + Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc. 	1,2,3,4,5,6,7
4	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có thể phối hợp tay mắt trong vận động + Tung bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cánh 2,5m) - Tự đập bắt bóng 3 lần liên (Đường kính bóng 18cm) 	<ul style="list-style-type: none"> + Chuyển bóng theo hàng ngang + Chuyển bóng theo hàng dọc + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. + Đập và bắt bóng với cô + Đập và bắt bóng bằng 2 tay + Tung và bắt bóng với cô + Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay. 	1,2,3,4,5,6,8,9
5	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thể hiện nhanh mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp + Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng + Ném trúng đích nằm ngang (xa 1,5m) - Bò trong đường hẹp (3x0,4m) không chệch ra ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> * Bò trườn, trèo: + Bò dích dắc qua 3 điểm + Trườn về phía trước + Bò thấp chui qua cổng + Bò trong đường hẹp. + Bò thấp theo đường dích dắc + Trườn sấp chui qua cổng + Trườn theo hướng dích dắc + Bước lên xuống bục cao 30cm *Ném + Ném trúng đích bằng 1 tay + Ném trúng đích nằm ngang *Bật – nhảy + Bật tại chỗ + Bật về phía trước + Bật xa 20-25cm 	1,2,3,4,5,6,7,9
6	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thực hiện được các vận động: + Xoay cổ tay + Gập đan ngón tay vào nhau 	<ul style="list-style-type: none"> - Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay - <i>Giáo dục trẻ thường xuyên tập luyện thể dục mỗi ngày để có sức</i> 	1,2,3,4,5,6,7,8,9

	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp được các cử động của bàn tay , ngón tay trong một hoạt động: + Vẽ được hình tròn theo mẫu + Cắt được đoạn thẳng 10cm + Xếp được 8-10 khối gỗ không đổ + Tự cài cời cúc 	<p><i>khỏe tốt, cơ thể phát triển hài hòa, cân đối</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đan, tết - Sử dụng kéo , bút - Tô vẽ nguệch ngoạc - Xé dán giấy - Xếp chồng các hình khối khác nhau - Cài cời cúc 	
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
7	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh. -Trẻ nhận biết một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau... - Trẻ biết được ăn để chóng lớn khỏe mạnh, chấp nhận ăn các loại thức ăn khác nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Sâu răng, suy DD, béo phì, ia chảy...) <i>- Biết yêu quý và giữ gìn vệ sinh cá nhân, ăn uống đủ chất, hằng hái tập luyện thể dục để mỗi ngày đều có sức khỏe tốt, cơ thể phát triển khỏe mạnh, hài hòa, cân đối.</i> 	2
8	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thực hiện một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn. - Rửa tay, lau mặt, súc miệng - Tháo tất cời quần, cời- áo - Trẻ sử dụng được bát thìa, cốc đúng quy cách. 	<ul style="list-style-type: none"> <i>-Trẻ biết giữ gìn vệ sinh: rửa tay trước và sau khi ăn , sau khi đi vệ sinh, tắm rửa sạch sẽ, đánh răng, rửa mặt</i> - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Sử dụng đồ dùng cá nhân - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn ngủ, vệ sinh. 	2,3
9	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở uống nước đã đun sôi - Trẻ có hành vi tốt trong vệ sinh cá nhân, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: vệ sinh răng miệng đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi giếp, đi giày khi đi học - Biết nói với người lớn khi bị đau chảy máu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết được lợi ích của việc ăn chín uống sôi... <i>- Trẻ biết ăn mặc gọn gàng, sạch sẽ, phù hợp với hoàn cảnh,biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.</i> - Thể hiện lời nói nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm - Kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu, rủi ro thiên tai và bảo vệ môi trường 	2, 4,8

10	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận ra một số vận dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở. - Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.(Hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi) - Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở. - Không cuồi đùa trong khi ăn uống, hoặc khi ăn các loại quả có hạt - Không tự lấy thuốc uống - Không leo trèo bàn ghế lan can - Không nghịch các vật sắc nhọn - Không theo người lạ khi ra khỏi khu vực trường lớp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. .(Bàn là, bếp đang đun, phích nước - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ 	1,2,3,4,5,6,7,8,9
----	---	---	-------------------

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức.

a. Khám phá khoa học:

11	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng. - Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nghe nhìn, sờ, ngửi....nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng - Trẻ làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát tìm hiểu đối tượng. VD: Thả các vật vào nước nhận biết chìm hay nổi - Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng , Phân loại đối tượng theo dấu hiệu nổi bật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện tượng nắng mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ - <i>NB gọi tên của 1 số mùa bằng tiếng Anh</i> - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm - <i>Nhận biết và phòng tránh một số thiên tai, biến đổi khí hậu thường xảy ra tại địa phương, làm quen với việc bảo vệ môi trường, bảo vệ khí hậu tự nhiên</i> - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. - Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - <i>Nhận biết được đặc điểm, nguyên nhân, những thiệt hại và cách phòng tránh thiên tai</i> 	8
----	--	---	---

		<i>Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với cuộc sống con người</i> <i>-Trồng cây phù hợp, không độc hại.</i> <i>Phân loại rác thải</i>	
12	- Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật và hiện tượng quen thuộc khi được hỏi. <i>* Trẻ có thể nhận biết và gọi tên bằng tiếng anh: Tên người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc</i>	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi Làm đèn ông sao: Đặc điểm cấu tạo, nguyên tắc sử dụng đèn ông sao Làm ống nhòm: đặc điểm, cách làm, cách sử dụng của ống nhòm. Làm pháo hoa giấy: đặc điểm cách làm pháo hoa giấy, cách sử dụng... -Nhận biết gọi tên của 1 số đồ dùng đồ chơi bằng tiếng Anh - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc -Nhận biết gọi tên của 1 số phương tiện giao thông bằng tiếng Anh	2,4,7
13	-Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... <i>* Trẻ có thể nhận biết và gọi tên bằng tiếng anh: Tên người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc</i>	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc - Mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống của chúng - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gân gũi - Nhận biết gọi tên 1 số con vật, cây, hoa, quả gân gũi, bằng tiếng Anh	5,6
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán:			
14	- Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng. - Trẻ đếm trên đối tượng giống nhau và đếm đến 5. - Trẻ nghe và nhắc lại các số từ 1-5 bằng tiếng Anh - Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng -Nghe và nhắc lại các số từ 1-5 bằng tiếng Anh - 1 và nhiều. - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ	1,2,3,4,5,6,7

	-Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5 - Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.		
15	-Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và sao chép lại.	+ Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi.	3
16	- Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn - nhỏ hơn , dài hơn - ngắn hơn , cao hơn- thấp hơn bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước. - Xếp xen kẽ	2,5,8
17	- Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật.	- Nhận biết gọi tên gọi các hình, : tròn, vuông, tam giác, chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để ghép.	1,6,7
18	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- <i>Phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.</i>	3,4
c. Khám phá xã hội			
19	- Trẻ nói được tên tuổi giới tính. Của bản thân khi được hỏi trò chuyện	- Tên tuổi, giới tính của bản thân. - Trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể cùng làm một nhiệm vụ giống nhau	2
20	- Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình - Trẻ nói được địa chỉ gia đình khi được hỏi khi trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình	- Tên của bố mẹ, thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình. - Yêu thương, kính trọng ông bà cha mẹ, những người thân trong gia đình. - Làm những công việc vừa sức giúp đỡ cha mẹ và những người xung quanh trẻ	3
21	- Trẻ nói được tên trường lớp cô giáo, bạn , đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, khi trò chuyện	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo - Tên các bạn, đồ dùng đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường mầm non - Giáo dục trẻ kính trọng, lễ phép với thầy cô giáo, các cô bác trong trường mầm non - Nhận biết, gọi tên 1 số từ Tiếng Anh chỉ tên người đồ vật, sự vật, hành động ở trường, gia đình..... quen thuộc	1,4

22	<p>Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương:</p> <p>- Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng khi được hỏi, xem tranh</p>	<p>- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến tại địa phương</p> <p>- Đoàn ông và phụ nữ đều có thể cùng làm một công việc giống nhau.</p>	4
23	<p>- Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày tết trung thu, ngày khai giảng qua trò chuyện và tranh ảnh</p> <p>- Trẻ biết kể tên một số danh lam thắng cảnh phong tục tập quán cơ bản ở địa phương.</p>	<p>- Cờ Tổ Quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương</p> <p>- Các ngày lễ hội trong năm: Ngày khai giảng, ngày quốc khánh, ngày trung thu, ngày 20-11, ngày 22-12; ngày tết nguyên đán; ngày 8-3, ngày giỗ tổ Hùng Vương 10-3, ngày sinh nhật Bác, ngày tết thiếu nhi</p> <p>- Tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương (Điện Biên)</p> <p>+ Tìm hiểu về quê hương Điện Biên</p> <p>Làm đèn ông sao: Ngày tết trung thu là ngày đoàn viên, tập trung của các gia đình. Các hoạt động diễn ra trong ngày tết trung thu.</p> <p>Thiết kế ống nhòm: Ngày 22/12 là ngày quân đội NDVN ý nghĩa của ngày lễ. Các hoạt động diễn ra trong ngày 22/12.</p> <p>Làm pháo hoa giấy. Ngày tết cổ truyền dân tộc và các hoạt động diễn ra trong ngày tết.</p>	1,2,3,5,6,9

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

a. Nghe hiểu lời nói

24	<p>- Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản. Ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.</p> <p>- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa quả...</p> <p>* Trẻ DT: - Nghe , hiểu các từ về tên gọi, đặc điểm của 1 số đồ vật con vật gần gũi, quen thuộc,</p> <p>- Thực hiện được 1 số yêu cầu cơ bản: Đứng lên, Ngồi xuống, Đi vệ sinh....</p>	<p>- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi và quen thuộc</p> <p>- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản</p> <p>* Trẻ DT: - Nghe , hiểu các từ về tên gọi, đặc điểm của 1 số đồ vật con vật gần gũi, quen thuộc,</p> <p>- Thực hiện được 1 số yêu cầu cơ bản: Đứng lên, Ngồi xuống, Đi vệ sinh....</p>	1,2,3,4
----	--	--	---------

	<p>- Trẻ lắng nghe và trả lời được câu của người đối thoại.</p> <p><i>- Trẻ DT nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát</i></p>	<p>- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.</p> <p>- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.- Nghe các bài hát, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp độ tuổi.</p> <p><i>- Trẻ DT nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát</i></p>	
b. Nói			
25	<p>- Trẻ nói rõ các tiếng.</p> <p>- Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm</p> <p>-Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép</p> <p><i>*Trẻ DT: -Nói rõ các tiếng cơ bản trong Tiếng Việt.</i></p> <p><i>- Biết trả lời và hỏi 1 số câu hỏi đơn giản: Ai đây? Cái gì đây? Con gì đây?</i></p> <p><i>* Trẻ DT: - Sử dụng được các từ câu đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày.</i></p> <p>- Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như đi thăm ông bà đi chơi, xem phim.....</p>	<p>- Phát âm các tiếng của tiếng Việt</p> <p><i>- Nói rõ ràng từ, câu tiếng việt phù hợp với giao tiếp hàng ngày, tự tin khi giao tiếp (Đối với trẻ dân tộc phát âm rõ các tiếng trong tiếng việt)</i></p> <p>- Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào?</p> <p>- Kể lại sự việc.</p> <p>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</p> <p>- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ</p>	8,9
26	<p>- Trẻ đọc thuộc thơ, ca dao, đồng dao...</p> <p>- Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn</p> <p>Trẻ bắt chước giọng nói của những nhân vật trong truyện.</p>	<p>- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.</p> <p><i>- Trẻ biết và làm các việc tốt thông qua các nhân vật trong thơ, truyện</i></p> <p>- Kể lại một vài tình tiết câu chuyện đã được nghe .</p> <p>- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên</p>	1,2,3,4,5,6,7,8,9
27	<p>- Trẻ sử dụng các từ: vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.</p>	<p>- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép</p> <p><i>Trẻ DT; Sử dụng đúng từ ngữ trong giao tiếp hàng ngày Lễ phép trong giao tiếp</i></p>	1,2,3,4,5,6,7,8,9

	<p><i>Trẻ DT: Thể hiện hành vi văn minh trong giao tiếp (Chào hỏi, cảm ơn, nhìn vào mắt người nói)</i></p> <p>- Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí.</p>	<p>- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng câu đơn, câu đơn mở rộng</p> <p>- Trẻ DT: biết bày tỏ nhu cầu, hiểu biết của bản thân bằng câu đơn, câu ghép</p>	
c. Làm quen với đọc và viết:			
28	<p>- Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh</p> <p>- Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.</p> <p>- trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc</p>	<p>- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo GT: đường cho người đi bộ,...)</p> <p>- Tiếp xúc với chữ, sách truyện.</p> <p>- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.</p> <p>- Làm quen với cách đọc, viết tiếng Việt:</p> <p>+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.</p> <p>+ Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu.</p> <p>- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.</p> <p>- Giữ gìn sách.</p> <p>- <i>Trẻ DT: Làm quen với cách sử dụng sách, bút</i></p>	1,2,3,4,5,6,7,8,9
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và KNXH			
a. Phát triển tình cảm			
29	<p>- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.</p> <p>- Trẻ nói được điều bé thích, không thích</p> <p>- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, khi trả lời câu hỏi</p> <p>- Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao(chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...</p>	<p>- Tên, tuổi, giới tính.</p> <p>.- Những điều bé thích, không thích</p> <p>- Biết yêu thương, giúp đỡ bạn yếu hơn mình, biết vui chơi đoàn kết, yêu thương, chia sẻ</p> <p>- <i>Nhắc lại được, nói từ chỉ tên người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh</i></p>	1,2,3
30	<p>Nhận cảm xúc: Vui buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh</p> <p>- Biết biểu lộ cảm xúc vui buồn sợ hãi, tức giận</p>	<p>- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn sợ hãi, tức giận) qua nét mặt cử chỉ giọng nói;</p> <p>-Biểu lộ cảm xúc qua nét mặt; hát, vận động cử chỉ, giọng nói, trò chơi</p>	1,2,3,4,5,6,7,8,9
31	<p>- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ</p> <p>- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.</p>	<p>- Kính yêu Bác Hồ</p> <p>- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước</p>	9

		<p>- Tên và một số địa điểm nổi bật của một số địa danh liên quan đến Bác Hồ: lăng Bác, thủ đô Hà Nội, quê hương Bác Hồ, nơi Bác sống và làm việc</p> <p>- Biết tự hào, yêu quê hương đất nước</p>	
b. Phát triển kĩ năng xã hội			
32	<p>- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ</p> <p>-Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở</p> <p>-Chú ý nghe khi cô, bạn nói</p> <p>-Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ</p>	<p>- Một số nội quy của lớp và gia đình(đồ dùng đồ chơi để đúng chỗ)</p> <p>-Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn)</p> <p>- Chờ đến lượt</p> <p> Yêu mến bố mẹ anh chị em ruột</p> <p> Chơi hoà thuận với bạn</p> <p>-Nhận biết hành vi” đúng” – Sai-Tốt- Xấu</p>	1,2,3
33	<p>- Trẻ quan tâm đến môi trường:</p> <p>- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây</p> <p>- Bỏ rác đúng nơi quy định</p>	<p>-Tiết kiệm điện nước,</p> <p>- Giữ gìn vệ sinh môi trường.</p> <p>- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối</p>	5,6,8
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			
34	<p>- Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng.</p> <p>- Trẻ chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện</p> <p>- Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng,..) của các tác phẩm tạo hình</p>	<p>- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật</p>	1,2,3,4,5,6,7,8,9.
35	<p>- Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.</p>	<p>- Nghe các bài hát, bản nhạc, nhạc thiếu nhi, dân ca.</p> <p>- Hát đúng giai điệu, lời bài hát.</p>	1,2,3,4,5,6,7,8,9

	- Trẻ vận động theo bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo, bài hát, bản nhạc. - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp	
36	- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý - Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản. - Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	- <i>Sử dụng các nguyên vật liệu tạo ra sản phẩm</i> <i>- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, tô màu để tạo ra sản phẩm đơn giản.</i> - Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé rán, để tạo ra sản phẩm đơn giản. Làm ống nhòm bằng các nguyên vật liệu từ thiên nhiên: Sử dụng các nguyên vật liệu từ thiên nhiên để làm ống nhòm sinh động. Cách sắp xếp giữa các chi tiết hài hòa, hợp lý. Làm đèn ông sao: Sử dụng các nguyên vật liệu từ giấy bóng màu, nan tre, keo dán... Làm pháo hoa giấy sử dụng các nguyên vật liệu Lõi giấy vỏ chai nhựa, bìa cát tông, len cúc áo, keo dán ...để làm pháo hoa giấy	1,2,3,4,5,6,7,8,9
37	- Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn tạo thành sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Trẻ biết sử dụng một số kỹ năng xoay tròn, lăn dọc, ấn dẹt đất nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản	1,2,3, 5
38	- Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	- Trẻ biết sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra một số sản phẩm đơn giản	3,4
39	- Trẻ lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát	- Vận động theo ý thích khi hát, nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	7,8,9
40	- Trẻ tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm của mình	1,2,3,4,5,6,7,8,9

2.2. Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện.

Thời gian (Tháng , Từ ngày ... đến ngày)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	- Lễ hội	Điều chỉnh bổ sung
---	-----	--------	--------------	---------	----------	--------------------

08/09 - 26/09	01	Trường mầm non (3 tuần)	Lớp học của bé tuần 1	8/9-12/9/2025	- Ngày hội đến trường của bé 05/09
			Lớp học của bé tuần 2	15/9-19/9/2025	
			Trường mầm non	22/9-26/9/2025	
29/09 - 24/10	02	Bản thân (4 tuần)	Bé hãy giới thiệu về mình	29/9 - 3/10/2025	-Ngày thành lập hội liên phụ nữ Việt Nam 20/10
			Trung thu cùng bé	6/10-10/10/2025	
			Tôi cần gì để lớn lên và khoẻ mạnh tuần	13/10-17/10/2025	
			Tôi cần gì để lớn lên và khoẻ mạnh tuần 2	20/10-24/10/2025	
27/10-21/11	03	Gia đình của bé (4 tuần)	Mời bạn đến thăm gia đình tôi	27/10 - 31/10/2025	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11
			Gia đình sống chung một ngôi nhà	3/11-7/11/2025	
			Các thành viên trong gia đình	10/11 - 14/11/2025	
			Ngày nhà giáo Việt Nam	17-21/11/2025	
24/11 - 2/1 2025	04	Các nghề phổ biến (6 tuần)	Nghề giáo viên	24-28/11/2025	- Ngày hội quốc phòng toàn dân 22/12
			Nghề xây dựng	1/12-5/12/2025	
			Nghề chăm sóc sức khoẻ	8/12 - 12/12/2025	
			Nghề may-mộc	15-19/12/2025	
			Nghề giúp đỡ cộng đồng	22/12 - 26/12/2025	
			Nghề nông	29/12 - 2/1/2026	
5/1/2026 – 13/02/2026	05	Thế giới thực vật (5 tuần)	Bé với cây xanh	5- 9/1/2026	
			<i>Ôn tập</i>	21-16/2/2026	

			Vườn rau của bé	19- 23/1/2026	- Tết nguyên đán 2026	
			Cây cho bé quả ngọt	26- 30/1/2026		
			Hoa đẹp quanh bé	2-6/2/2026		
			Bé vui đón tết và mùa xuân	9-13/2/2026		
			Nhĩ tết nguyên đán từ 16/2 đến 20/2/ 2026			
23/2-3/4/2026	06	Thế giới động vật (6 tuần)	Một số con vật sống trong gia đình tuần 1	23- 27/2/2026	- Ngày hội 8/3	
			Ngày hội 8/3	2-6/3/2026		
			Một số con vật nuôi trong gia đình tuần 2	9 -13/3/2026		
			Một số con vật sống trong rừng	16 - 20/3/2026		
			Một số con vật sống dưới nước	23 - 27/3/2026		
			Một số con côn trùng	30/3 - 3/4/2026		
6- 17/4/2026	07	Giao thông (2 tuần)	Một số phương tiện giao thông	6 - 10/4/2026	- Giỗ tổ hùng vương	
			Một số quy định giao thông	13 - 17/4/2026		
20/04 – 8/5/2026	08	Nước và 1 số hiện tượng tự nhiên (2 tuần)	Nước	20 - 24/4/2026		
			Ôn tập	27/4 - 1/5/2026		
			Mùa hè và hiện tượng tự nhiên	4-8/5/2026		
11-29/5/2026		Quê hương đất nước - Bác Hồ tết thiếu nhi (3 tuần)	Điện Biên quê huong em	11 - 15/5/2026		
			Bác Hồ kính yêu	18 - 22 /5 /2026		
			Tết thiếu nhi	25 - 29/5/2026		

B. KHỐI MẪU GIÁO NHỞ 4 - 5 TUỔI (Dùng cho lớp MG C1 và MG C2)

1. Mục tiêu, nội dung

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			

a) Phát triển vận động			
1	<p>Trẻ đạt được các tiêu chí về chiều cao và cân nặng theo độ tuổi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cân nặng của trẻ: + Trẻ trai: 14,1-24,2kg + Trẻ gái: 13,7-24,9kg - Chiều cao của trẻ: + Trẻ trai: 100,7-119,2cm + Trẻ gái: 99,9-118,9cm 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được bốn nhóm thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. 	9
2	<p>Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra. + Hít vào thật sâu mở rộng lồng ngực bằng động tác hai tay dang ngang, đưa ra trước giờ lên cao. Thở ra từ từ thu hẹp lồng ngực bằng động tác hai tay thả xuôi, đưa ra trước, bắt chéo trước ngực. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật: thổi lá cây, dải lụa, len sợi, bắt chước tiếng kêu của đồ vật, con vật. - Tay, vai: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Ngồi, cúi người về phía trước, ngửa người ra sau + Ngồi, quay người sang bên; - Chân: + Đứng, 1 chân đưa lên trước, khụy gối; + Đứng, một chân nâng cao, gập gối; + Đứng, nhún chân, khụy gối; + Ngồi nâng hai chân duỗi thẳng; + Bật lên trước, ra sau, sang bên; gối. 	1 - 9
3	<p>Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi thăng bằng trên ghế thể dục - Đi bằng gót chân. 	<p>3,4 4 1-9</p>
4	<p>Trẻ biết kiểm soát được vận động.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi khụy gối, đi lùi 3m - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi theo đường đích dắc - Chạy chậm 60 - 80m. - Chạy 15m trong khoảng 10s 	<p>5 1 - 9 2 6 1</p>

		- Chạy đích đặc đôi hướng theo vật chuẩn	9
5	Trẻ biết phối hợp tay, mắt trong các vận động. -Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	- Chuyển bóng qua đầu, qua chân. - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Tung bắt bóng với người đối diện. - Đập bắt bóng tại chỗ - Ném trúng đích bằng 1 tay (Đích đứng) - Ném trúng đích bằng một tay. (Đích ngang) - Ném xa bằng một tay - Ném xa bằng hai tay. - Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40 cm. - Bật xa 35 - 40 cm, Nhảy lò cò 3m - Bật nhảy từ trên cao xuống 35 - 40 cm. - Bật tách, khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10 - 15 cm. - Nhảy lò cò 3m - Bò thấp chui qua cổng. - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4 m. - Bò chui qua ống dài 1,2 x 0,6m. - Bò đích đặc qua 5 điểm. - Trườn theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài 1,5 x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 giống thang	4 6 5 5 6 4 2 3,9 2 3 7 4 6 5,9 7 5,9 1,9 8 6 3,8 8 6
6	Trẻ phối hợp được cử động các bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động: Vẽ, cắt, xây dựng, tết, cài cỏi cúc, buộc dây giày.	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... - Gập giấy - Lắp ghép hình - Xé cắt đường thẳng - Tô, vẽ hình - Cài, cỏi cúc, khâu, buộc dây. Tết sợi đôi.	1, 2, 3, 4, 6, 7, 9
<i>b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</i>			
7	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	2, 5,6

8	Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản : rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể kho, rán, luộc; gạo nấu cơm, nấu cháo,...	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn - Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc; rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo.... 	5
9	Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) 	4
10	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, tự đánh răng, tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn, tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đánh răng, lau mặt - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn. - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. - Rèn luyện việc tiết kiệm nước khi sử dụng. - Hình thành một số kỹ năng cơ bản cho trẻ trong việc tự phục vụ bản thân. 	2, 9
11	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ từ, nhai kỹ, chấp nhận ăn rau và nhiều thức ăn khác nhau, không uống nước lã.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn nhai kỹ; Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau; không uống nước lã. 	3
12	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong VS phòng bệnh khi được nhắc nhở. Vệ sinh răng, miệng, đội mũ khi đi nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học, biết nói với người lớn khi bị đau, sốt, mệt mỏi, đi vệ sinh đúng nơi qui định, bỏ rác đúng nơi qui định.	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết - Lợi ích của mặc trang phục phù hợp với thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản <i>VS răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học; Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, hay bị sốt; đi VS đúng nơi quy định, bỏ rác đúng nơi quy định.</i> 	2, 8
13	Trẻ nhận ra bàn là, phích nước nóng, bếp đang đun, ổ điện, ... là nơi nguy hiểm không đến gần. Biết không nghịch các vật sắc, nhọn	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm. ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm không đến gần 	3
14	Trẻ nhận ra những nơi như: hồ ao, hồ nước, giếng, hồ sâu là nơi nguy hiểm không được chơi gần	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu, rủi ro thiên tai và bảo vệ môi trường - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn nguy hiểm đến tính mạng hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước... 	7,8

15	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: Không cười đùa khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt, không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn quả lạ, không uống rượu, bia, cafe, không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn, không ra khỏi trường lớp khi không được phép của cô giáo.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được 1 số các kỹ năng phòng tránh dịch bệnh Covid 19 - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng. - <i>Chơi những đồ chơi sắc nhọn, nguy hiểm, cười đùa trong khi ăn; khi ăn các loại quả có hạt; thức ăn có mùi ôi; lá, quả lạ; tự ý uống thuốc; Không đi theo người lạ ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</i> 	4
16	Trẻ nhận ra được một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: Biết gọi người lớn khi gặp 1 số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu, biết gọi giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số ĐT người thân khi cần thiết. (Kỹ Năng tự bảo vệ bản thân)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trường hợp và gọi người giúp đỡ khi gặp 1 số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.. - <i>Biết tránh một số trường hợp không an toàn. Ra khỏi nhà khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo...</i> 	3, 8

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

17	Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh, với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: "Vì sao cây lại héo?";.. <i>Trẻ nhận biết và gọi tên bằng tiếng Anh: Tên người, đồ vật, sự vật, hiện tượng đơn giản, quen thuộc</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thích đặt câu hỏi để hỏi về một vấn đề nào đó để tìm hiểu, làm rõ thông tin về một sự vật, hiện tượng hay công việc nào đó "Tại sao ; như thế nào; làm bằng gì?" - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây cối. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Các nguồn nước trong môi trường sống, nguyên nhân gây ô nhiễm nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Tìm hiểu về tên gọi, đặc điểm các mùa trong năm; đặc điểm dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm, <i>hiện tượng nắng nóng, rét đậm, rét hại, sương muối.....</i>; một số nguồn nước trong sinh hoạt, ánh sáng, không khí,.....quan trẻ. - <i>Nhận biết gọi tên 1 số con vật, cây, hoa, quả gần gũi, bằng tiếng Anh</i> - <i>Nhận biết gọi tên 1 số phương tiện giao thông bằng tiếng Anh</i> - <i>Nhận biết, gọi tên của các mùa trong năm bằng tiếng Anh</i> 	5,6,7,8
----	---	--	---------

18	<p>Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi: + Một số đồ dùng đồ chơi của trường, lớp. - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. + Tìm hiểu các bộ phận, giác quan trên cơ thể. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gân gũ, lợi ích và tác hại đối với con người: + Một số con vật nuôi trong gia đình (gia cầm, gia súc) + Một số con vật sống trong rừng; Một số con côn trùng; Một số loại cá. + Một số loại cây xanh, hoa, quả, rau. - Đặc điểm, công dụng của một số PTGT: Một số phương tiện và quy định giao thông. Quan sát một số biển hiệu, đèn tín hiệu giao thông. Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi - Nhận biết gọi tên của 1 số đồ dùng đồ chơi bằng tiếng Anh - Nhận biết gọi tên của 1 số phương tiện giao thông bằng tiếng Anh - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của cây, hoa, quả, con vật. - Quá trình phát triển, điều kiện sống của một số cây, con vật, cách chăm sóc, bảo vệ cây, con vật - Tiếp xúc an toàn với động vật - Tiếp xúc an toàn với cây cối, hoa quả - Nhận biết gọi tên 1 số con vật, cây, hoa, quả gân gũ, bằng tiếng Anh - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa, NB gọi tên của 1 số mùa bằng tiếng Anh - Các nguồn nước trong môi trường sống, ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây - Một số đặc điểm, tính chất của nước, đất, đá, sỏi, cát. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây . - Trẻ biết trồng cây phù hợp, không độc hại, cắt tỉa cây cối. 	1- 7
19	<p>Trẻ biết Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát,</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số đặc điểm, tính chất của nước. 	8

	so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. + Làm thực nghiệm với một số chất tan và không tan trong nước. + Pha các loại màu, đường/muối/ vào nước.	
20	Trẻ biết thu nhập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Thu thập các thông tin về đối tượng bằng nhiều cách qua xem sách, tranh ảnh VD: Con người, con vật, môi trường, cây, hoa, quả, PTGT, - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa - Sự khác nhau giữa ngày và đêm.	8
21	Trẻ biết phân loại được các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - Trẻ biết phân loại rác thải theo quy định. - Phân loại cây, hoa quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu	1, 2, 3, 5, 6
22	Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”	- Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với cuộc sống con người - Quan sát, phán đoán mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây cối với môi trường sống. - Ảnh hưởng của một số hiện tượng thời tiết đối với sinh hoạt con người(<i>hiện tượng thiên nhiên như nắng nóng, gió Lào, mưa thất thường, có gió lốc, mưa đá lũ ống, ngập úng, sạt lở đất, rét buốt, sương mù</i>)	5,6,8
23	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. VD: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn. <i>Trẻ có kỹ năng tư duy</i>	- Một số mối quan hệ đơn giản giữa sự vật hiện tượng gần gũi (đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của ĐĐĐC quen thuộc. (VD: Làm ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn..) <i>Trẻ có khả năng giải quyết các vấn đề đơn giản trong cuộc sống một cách tích cực</i>	1, 7, 9
24	Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự giống nhau, sự khác nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2, 3 đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm	1 5,6,8
25	Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua HĐ chơi, âm nhạc, tạo hình	- Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề	2,3,5,7,9
<i>b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</i>			
26	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các con vật ở xung quanh, hỏi: Là bao nhiêu/ số mấy?	- Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: " Bao nhiêu?" " Là số mấy?"	3, 4

27	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10, so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau; nhiều hơn; ít hơn.. <i>Trẻ nghe và nhắc lại các số từ 1-5 bằng tiếng anh</i>	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Đếm, So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. <i>Trẻ biết sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự bằng tiếng anh</i>	3-8
28	Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5	4,5
29	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	- Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	4, 5,6,7,9
30	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.	- Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà để làm gì, biển số xe để làm gì? - Nhận biết một vài số điện thoại khẩn cấp: 113, 114, 115...	3,4,7
31	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. + Nhận ra quy tắc sắp xếp của 2, 3 đối tượng và sao chép lại. + Xếp tương ứng, ghép đôi	6,7
32	Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo	8,9
33	Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	1, 2
34	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành một hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	9
35	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ (Phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái) - Xác định vị trí của đồ vật so với bạn khác (Phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái) - Nhận biết các buổi sáng, trưa, chiều, tối.	2, 3, 8
<i>c) Khám phá xã hội.</i>			
36	Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. <i>Trẻ trai ,trẻ gái, sở thích của trẻ trai trẻ gái....</i>	2

		<ul style="list-style-type: none"> - Xem ảnh, soi gương để nhận biết dáng vẻ, đặc điểm và các bộ phận bên ngoài của bản thân. - Chơi các trò chơi tìm hiểu về bản thân (so sánh chiều cao của mình với bạn, nhận biết chức năng các giác quan...) - <i>Không phân biệt bạn trai, bạn gái</i> 	
37	Trẻ nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.	<ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. - Một số nhu cầu của gia đình. . - <i>Tình cảm của mọi người trong gia đình đối với nhau (Trẻ biết yêu thương kính trọng ông bà cha mẹ, những người thân trong gia đình. Biết chia sẻ, quan tâm, đùm bọc, hòa thuận..)</i> 	3
38	Trẻ nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được địa chỉ gia đình: Số nhà; đường, phố, phường, thành phố khi được hỏi, trò chuyện. - Giáo dục an toàn giao thông gần gũi, gắn với thực tế cuộc sống, phù hợp với lứa tuổi. 	3
39	<i>Trẻ nhận biết và kể tên bằng tiếng anh: Trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng...</i>	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận biết một số hình ảnh trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc, hành động, nghề nghiệp quen thuộc</i> - <i>Làm quen với tiếng anh: Các từ chỉ tên trường, lớp, đồ chơi, chào hỏi...</i> - <i>Nhận biết, gọi tên 1 số từ Tiếng Anh chỉ tên người, đồ vật, sự vật ở trường, gia đình...quen thuộc</i> 	4
40	Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. 	1
41	Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề truyền thống tại địa phương khi được hỏi, trò chuyện Nhận biết và nói được tiếng anh 1 số nghề nghiệp phổ biến quen thuộc tại địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. + Nghề xây dựng + Nghề sản xuất - <i>Biết yêu quý, trân trọng người lao động và các dụng cụ, sản phẩm của các nghề</i> + Nghề dịch vụ + Nghề giúp đỡ cộng đồng 	4

		nói được tiếng anh 1 số nghề nghiệp phổ biến quen thuộc tại địa phương - 1 số nghề nghiệp phổ biến quen thuộc tại địa phương bằng Tiếng Anh	
42	Trẻ kể tên và nói đặc điểm của 1 số ngày lễ hội.	- Kể tên và nói được một vài đặc điểm nổi bật được một số ngày lễ lớn trong năm của địa phương: Ngày Quốc khánh 2/9, ngày khai giảng, tết trung thu, ngày 20/11, ngày tết cô truyền, ngày 7/5; ngày 19/5, lễ hội Hoa Ban... - T/C về ngày khai giảng năm học mới, - Thích được tham gia vào các ngày lễ, hội: Quốc khánh, khai giảng, trung thu... + Tìm hiểu ngày thành lập QĐNDVN	1, 3, 4, 5, 6,9
43	Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử, các dân tộc và phong tục tập quán cơ bản ở địa phương.	- Trẻ biết được 1 vài danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử ở địa phương: Khu di tích như: Đồi A1, bảo tàng chiến thắng, hầm đờ cát, đền Hoàng Công Chất, hồ Pa Khoang và biết gìn giữ bảo tồn những di tích lịch sử. Một số phong tục tập quán của địa phương - Trò chuyện về quê hương Điện Biên - T/C và Xem tranh ảnh, băng hình	9
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
a) Nghe và hiểu lời nói			
44	Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”. - Nghe, hiểu các từ về tên gọi, đặc điểm của 1 số sự vật hiện tượng gần gũi, quen thuộc (Trẻ DT) - Thực hiện được các yêu cầu đơn giản như: “ Cháu hãy cầm quần áo cho vào ba lô. “ Cháu hãy cầm ba lô cất vào tủ”..	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. - Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày(Trẻ DT) - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	1, 2, 3, 4, 8
45	Trẻ lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	1, 2, 5, 6, 7.
46	Trẻ nghe và thực hiện được 1 số câu lệnh Tiếng Anh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi	- Nghe và làm theo 2 yêu cầu tiếng Anh đơn giản quen thuộc - Nghe hiểu nội dung truyện tranh tiếng Anh rất đơn giản phù hợp với lứa tuổi	4,6,8
47	Trẻ hiểu nghĩa các từ khái quát: rau, quả, con vật, đồ gỗ...	- Nghe hiểu nghĩa các từ khái quát: “ Rau quả” “ Con vật”, “ Đồ gỗ”	3, 5, 6

<i>b) Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày</i>			
48	Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được. Trẻ nói rõ các tiếng trong Tiếng Việt để người nghe có thể hiểu được(Trẻ DT)	- Phát âm rõ các tiếng trong Tiếng Việt (Trẻ DT) - Phát âm các tiếng có chứa âm khó	5, 9,6
49	Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm. Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định. - Sử dụng được các từ câu đơn giản trong giao tiếp phù hợp với ngữ cảnh (Trẻ DT)	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?. Trẻ DT; Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi. Lễ phép, chủ động trong giao tiếp	7, 8
50	Trẻ kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	3, 4, 9
51	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.... Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Kể lại chuyện đã được nghe	1- 9
52	Trẻ biết sử dụng các từ như “mời cô”, “mời bạn”, “cám ơn”, “xin lỗi”... trong giao tiếp. Trẻ DT: Thể hiện hành vi văn minh trong giao tiếp (Chào hỏi, cảm ơn, chú ý lắng nghe người khác nói, nhìn vào mặt người nói)	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. Trẻ DT; Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi. Lễ phép, chủ động trong giao tiếp	1,2,4,8,9
53	Trẻ nhắc lại được tên đồ vật, sự vật hiện tượng, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh.	- Nhắc lại 1 số câu văn rất đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh - Nhắc lại được, nói từ chỉ tên người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh	5,7,9
54	Trẻ bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	- Đóng kịch. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	1, 2, 3, 6, 7
<i>c) Làm quen với việc đọc, viết</i>			
55	Trẻ biết chọn sách để xem. Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẽ”). * Trẻ cầm sách đúng chiều, giở sách từ trang đầu đến trang cuối, “đọc” sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới. (Trẻ DT)	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt. + Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu. + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách	3, 7, 9

		- <i>Giữ gìn, bảo vệ sách</i> - Nhận dạng một số chữ cái.	
56	Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- "Đọc" tranh qua hình vẽ	4, 5, 6, 8
57	Trẻ có khả năng nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm....	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) - <i>Làm quen với 1-3 ký hiệu bằng tiếng Anh thông thường</i>	7
58	Trẻ sử dụng kí hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..	- Tập tô, tập đồ các nét chữ.	6, 7, 9
4. Lĩnh vực tình cảm và kỹ năng xã hội			
59	Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ	- Tên, tuổi, giới tính, sở thích của bản thân (<i>bạn trai thích chơi ô tô, bạn gái thích chơi búp bê</i>) - Tên tuổi của bố, mẹ trong gia đình	2,3
60	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	- Sở thích, khả năng của bản thân: điều bé thích, không thích; những việc gì bé có thể làm được.	2
61	Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	1 - 9
62	Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)	- Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi). - <i>Thu gom rác, nhặt lá rụng, nhổ cỏ</i>	3- 9
63	Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, tranh, ảnh. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động	3
64	<i>Trẻ mạnh dạn tự tin trong giao tiếp bằng tiếng Anh, hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh.</i>	<i>-Hứng thú trong các hoạt động làm quen với Tiếng Anh. Thể hiện 1 số cử chỉ, điệu bộ, nét mặt đơn giản phù hợp với tình huống giao tiếp.</i>	4, 7, 9
65	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ, thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. (TH HCM)	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, biết Bác Hồ là vị lãnh tụ đầu tiên của nước Việt Nam - Biết Bác Hồ rất yêu quý các cháu thiếu nhi - <i>Biết kính yêu, Bác Hồ qua Hát, đọc thơ, kể chuyện..... bày tỏ lòng biết ơn đối với Bác.</i> - <i>Biết chăm ngoan học giỏi xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ</i>	5,9
66	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. (HCM)	- Quan tâm đến các di tích lịch sử của Điện Biên và một vài cảnh đẹp, lễ hội của ĐB (bảo tàng, đồi A1, hầm đờ cát, khu sinh thái him lam, hồ Pa khoang) - <i>Lễ hội Hoa Ban ở Điện Biên</i>	9

		tất quạt khi ra khỏi phòng. (HCM). Ích lợi của nước đối với môi trường sống.	
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			
72	Trẻ vui sướng, vỗ tay, thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. và các tác phẩm tạo hình.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc. - Ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	1 - 9
73	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện. Ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình.	- Chú ý lắng nghe, bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc.(hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) - Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện trong chương trình. - Thích ngắm nhìn, chỉ, sờ và các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (Màu sắc, hình dáng) các tác phẩm tạo hình.	1 - 9
74	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ... Trẻ hát theo được 1 số bài hát tiếng Anh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của các bài hát phù hợp với độ tuổi. - Hát theo một số bài hát Tiếng Anh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.	1 - 9
75	Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	1 - 9
76	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm tạo hình.... và các sản phẩm Steam.	1,2,5,6,7
77	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn thành bức tranh có màu sắc và bố cục	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, tô màu để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 9
78	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong...và dán sản phẩm có màu sắc và bố cục	- Sử dụng các kỹ năng xé, cắt, dán, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, đường nét.	3, 6
79	Trẻ biết làm lồm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết;	- Biết sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm khác nhau theo yêu cầu hoặc theo ý thích của trẻ.	1, 2, 5, 6

80	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét.	7
81	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.	5
82	Trẻ lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Cho mọi trẻ tự lựa chọn nội dung, hình thức và sử dụng dụng cụ phù hợp với khả năng của trẻ.	8, 9
83	Trẻ lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. bản nhạc.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. - Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp bài hát.	5,8,9
84	Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích; Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Đặt tên cho sản phẩm của mình.	9

2. Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện chủ đề 4-5 tuổi

Thời gian Tháng từ ngày ...đến ngày	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/ Hội	Điều chỉnh
T 8->09 Từ ngày 08/9 Đến ngày 19/09	1	Trường mầm non (2 T)	Lớp học của bé	1		
			Trường MN Của bé	1		
T 9->10 Từ ngày 22/9 Đến ngày 24/10	2	Bản thân-tết trung thu (5 T)	Hãy giới thiệu về mình	1		
			Tết Trung thu	1	Tết trung thu	
			Cơ thể của bé	1		
			Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh T1	1		
			Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh T2	1	Ngày QTPNVN 20/10	
T10->11 Từ ngày 27/10 Đến ngày 28/11	3	Gia đình (5T)	Mời bạn đến thăm gia đình tôi	1		
			Gia đình sống chung 1 ngôi nhà	1		
			Nhu cầu gia đình T1	1		
			Ngày 20/11	1	Ngày Nhà giáo VN	
			Nhu cầu gia đình T2	1		
			Nghề xây dựng	1		
			Nghề sản xuất	1		

T12->1/2026 Từ ngày 01/12/2025 đến ngày 02.01.2026	4	Nghề nghiệp (5T)	Quà tặng chú bộ đội	1	Ngày 22/12	
			Nghề dịch vụ	1		
			Nghề CSSK	1		
T1 Từ ngày 05/01 đến ngày 13/02/2026 ôn tập Từ ngày 12- 16/01/2026	5	TGTV - TẾT NGUYỄN ĐÁN (5T)	Cây xanh	1		
			Một số loại rau	1		
			Cây cho hoa	1		
			Cây cho quả	1		
			Bé vui đón tết, mùa xuân	1	Nghỉ tết NĐ từ 14/02- 22/02/2026	
T2->T4 Từ ngày 23/02 đến ngày 03/04/2026	6	TGDV (6T)	1 số con vật nuôi trong gia đình (gia cầm)	1		
			Ngày hội 8/3	1	Ngày hội 8/3	
			1 số con vật nuôi trong gia đình (gia gia súc)	1		
			Con vật sống trong rừng	1		
			Con côn trùng, chim	1		
			Cá và các con vật dưới nước	1		
T4 Từ ngày 16/04 đến ngày 17/4/2026	7	PTGT (2T)	Chế tạo ô tô từ bìa các tông	1		
			Một số quy định giao thông	1		
T4 ->T5 Từ ngày 20/4 đến ngày 08/5/2026 Ôn tập (Từ 27/4- 29/04/2026)	8	Nước và hiện tượng tự nhiên(2T)	Nước và hiện tượng thiên nhiên	1		
			Mùa hè	1		
T5 Từ ngày 11/5 đến ngày 29/5/2026	9	Quê huương - Bác Hồ- Tết thiếu nhi (3T)	Điện biên quê hương em	1	Ngày 7/5 chiến thắng ĐBP	
			Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	1	Ngày SN Bác Hồ	
			Tết thiếu nhi	1	Tết thiếu nhi	

C. KHỐI MẪU GIÁO LỚN 5 - 6 TUỔI

1. Lớp mẫu giáo 5-6T D1

1.1. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động.			

1	Trẻ đạt được các tiêu chí về chiều cao và cân nặng theo độ tuổi.	<ul style="list-style-type: none"> -Về cân nặng trẻ (72 tháng) + Trẻ trai: 15,9-27,1Kg – Trẻ gái: từ 15,3-27,8Kg -Về chiều cao trẻ (72 tháng) + Trẻ trai: 106,1-125,8cm - Trẻ gái: 104,9 - 125,4cm 	9
2	Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên(kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) + Đánh chéo hai tay ra hai phía trước, sau (HDTHCT) + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân; hai tay xoay tròn trước ngực, đưa lên cao - Lưng, bụng, lườn. + Ngửa người ra phía sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái + Đứng cúi về trước (HDTHCT) + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về sau +Khụy gối; + Nâng cao chân, gập gối (HDTHCT) + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa 1 chân về phía trước, 1 chân về phía sau. 	1->9
3	Trẻ thể hiện các kĩ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động: Giữ thăng bằng; kiểm soát vận động; Phối hợp tay, mắt; Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong các vận động	<ul style="list-style-type: none"> - Đi chạy thay đổi hướng, dích dắc theo hiệu lệnh - Ném xa bằng 1 tay - Đi bằng mép ngoài bàn chân - Đi khụy gối - Đi trên dây(dây đặt trên sàn) - Đi nôi bàn chân tiến , lùi - Đi trên ván kê dốc(2m x 0,3m, 1 đầu kê cao) - Đi trên ghế TD đầu đội túi cát - Đi, chạy thay đổi tốc độ , hướng dích dắc theo hiệu lệnh - Chạy 18m trong khoảng 10 giây - Chạy chậm khoảng 100-120m - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung, đập bắt bóng tại chỗ 	1->9

		<ul style="list-style-type: none"> - Đi và đập bắt bóng tại chỗ - Ném trúng đích = 1 tay, 2 tay - Ném xa – 1 tay, 2 tay - Ném và bắt bóng = 2 tay từ khoảng cách 4m - Chuyển bắt bóng qua đầu qua chân - Bò dích dắc qua 7 điểm - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5m - Bò chui qua ống dài 1,5 x 0,6m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5mx30cm - Trèo lên xuống 7 giống thang - Chuyển bắt bóng qua đầu qua chân - Trườn kết hợp trèo qua ghế thể dục, bật xa - Bật liên tục vào vòng; - Bật xa 40-50cm - Bật nhảy từ trên cao xuống 40-45cm - Bật tách khớp chân qua 7 ô; - Bật qua vật cản 15-20cm - Nhảy lò cò. 5m 	
4	Trẻ biết phối hợp được cử động các bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động.	<p>Các loại cử động bàn tay, ngón tay, và cổ tay: Vỗ xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết ấn</p> <p>bàn tay, ngón tay, gấn, nôi.</p> <p>bẻ, nắn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắp ráp - Xé , cắt đường vòng cung - Tô, đồ các nét - Cài cởi cúc, kéo khóa, khâu, luồn, buộc dây 	1->9
<i>b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.</i>			
5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: Thực phẩm giàu chất muối khoáng:	Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	2
6	Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể kho, rán, luộc; gạo nấu cơm, nấu cháo,...	Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	3

7	Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). 	
8	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: rửa tay, thay quần áo, Đi vệ sinh..	<ul style="list-style-type: none"> Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. 	1
9	Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. 	5
10	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:	<ul style="list-style-type: none"> Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. 	6
11	Trẻ biết những vật dụng nguy hiểm không nên đến gần. Biết không nên nghịch các vật sắc, nhọn. những nơi nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi chơi gần	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. 	7
12	Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh	<ul style="list-style-type: none"> Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt,... sẽ bị hóc, sặc. Biết: không tự ý uống thuốc. Biết: ăn thức ăn có mùi ôi; ăn quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê không tốt cho sức khỏe. 	8
	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: (Kỹ năng tự bảo vệ bản thân)	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu,... 	9

13		<p>- Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - + Biết được địa chỉ, nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.</p>	
14	Trẻ thực hiện một số qui định ở trường, nơi công cộng về an toàn:	<p>- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người dắt; đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy. Không leo trèo cây, ban công, tường rào...</p>	4
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
15	Trẻ thích tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: * Trẻ có thể nhận biết và gọi tên bằng tiếng Anh: Tên người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc	<p>Thích đặt câu hỏi để hỏi về một vấn đề nào đó để tìm hiểu, làm rõ thông tin về một sự vật, hiện tượng hay công việc nào đó “Tại sao ; như thế nào; làm bằng gì?”</p> <p>- Nhận biết và gọi tên bằng tiếng Anh: Tên người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc</p>	1, 2,3,7,8
16	Trẻ biết Phối hợp các giác	<p>Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi Nhận biết gọi tên của 1 số đồ dùng đồ chơi bằng tiếng Anh -Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông Nhận biết gọi tên của 1 số phương tiện giao thông bằng tiếng Anh</p>	1,3,5,6,7,8

	quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	<p>-Đặc điểm, ích lợi và tác hại của cây, hoa, quả, con vật.</p> <p>- Quá trình phát triển, điều kiện sống của một số cây, con vật, cách chăm sóc, bảo vệ cây, con vật</p> <p>- Tiếp xúc an toàn với động vật</p> <p>- Tiếp xúc an toàn với cây cối, hoa quả</p> <p>Nhận biết gọi tên 1 số con vật, cây, hoa, quả gần gũi, bằng tiếng Anh</p> <p>Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa, NB gọi tên của 1 số mùa bằng tiếng Anh</p> <p>Các nguồn nước trong môi trường sống, ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây</p> <p>Một số đặc điểm, tính chất của nước, đất, đá, sỏi, cát. Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước</p> <p>- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật, cây</p>	
17	Trẻ thích làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.	-Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	8
18	Trẻ có thể Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau:	-Xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	4
19	Trẻ biết Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	Phân loại các đối tượng (Đồ dùng, đồ chơi,các con vật, thực vật, các phương tiện giao thông) theo 2-3 dấu hiệu + Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu + Phân loại cây, hoa, quả , con vật quen thuộc theo 2-3 dấu hiệu + Phân loại PTGT theo 2-3 dấu hiệu	1,,3,5,6,7
20	Trẻ có thể nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng.	Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng: + Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo	1,6
		với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc +QS, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống	

21	Trẻ có thể giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. Trẻ có kỹ năng tư duy	Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. -Trẻ có khả năng giải quyết các vấn đề đơn giản trong cuộc sống một cách tích cực	9
22	Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	-So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng So sánh sự giống và khác nhau của một số con, cây, hoa, quả - Sự khác nhau giữa ngày và đêm (Mặt trời, mặt trăng)	1,3,5,6,8
23	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi tạo hình, âm nhạc.	Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động âm nhạc và tạo hình.	2
<i>b) Làm quen với toán</i>			
24	Trẻ nhận biết số đếm, Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	4
25	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Trẻ nghe và nhắc lại các số từ 1-10 bằng tiếng Anh	-Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng -<i>Nghe và nhắc lại các số từ 1-10 bằng tiếng Anh</i>	1->9
26	Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được hơn, ít nhất.kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít	- So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng và nói được kết quả đo. Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất	4
27	Trẻ biết Gộp,Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau	Gộp/tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau.	1->9
28	Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.	1->9
29	Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).	9

30	Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	2
31	Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	- Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.	5
32	Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	-Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp - Ghép thành cặp có mối liên quan	7
33	Trẻ biết sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	5
34	Trẻ gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và nhật.khối trụ, khối vuông và khối chữ	Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.	3
35	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. - Gọi được các thứ trong tuần. -Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.	4
c) Khám phá xã hội			
36	Trẻ biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	2
c) Khám phá xã hội			
36	Trẻ biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	2
37	Trẻ biết nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. + Trò chuyện tìm hiểu về gia đình. + Trò chuyện về nhu cầu gia đình	3
38	Trẻ biết nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm	- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm	1,3,9

	nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	non; công việc của các cô bác trong trường. - Những đặc điểm nổi bật của trường tiểu học + Trò chuyện về trường tiểu học. - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. - Nhận biết, gọi tên 1 số từ Tiếng Anh chỉ tên người đồ vật, sự vật, hành động ở trường, gia đình..... quen thuộc	
39	Trẻ nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề số nghề truyền thống tại địa phương . Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...” * Trẻ nhận biết và nói được tiếng anh 1 số nghề nghiệp phổ biến quen thuộc tại địa phương	- Tên gọi, công cụ , sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. + Nghề xây dựng + Nghề sản xuất + Nghề CSSK + Nghề dịch vụ + Nghề giúp đỡ cộng đồng nói được tiếng anh 1 số nghề nghiệp phổ biến quen thuộc tại địa phương	4
40	Trẻ kể tên một số lễ hội và -Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử các dân tộc và phong tục tập quán cơ bản của từng dân tộc của quê hương mình.	- Đặc điểm nổi bật của 1 số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa, 1 số phong tục tập quán của địa phương .	1,3,4, 5,9
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
* Nghe			
41	Trẻ biết thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”. * Trẻ DT: - Nghe , hiểu các từ về tên gọi, đặc	- Trẻ hiểu và làm được theo 2 - 3 yêu cầu liên tiếp -Trẻ dân tộc: Nghe lời nói trong giao tiếp hàng ngày - Nghe và làm theo 2 đến 3 yêu cầu tiếng Anh liên tiếp đơn giản quen thuộc	2,3

	<p>điểm của các đồ vật con vật và sự vật gần gũi, quen thuộc,</p> <p>- Thực hiện được 2,3 yêu cầu liên tiếp. VD: Cháu hãy lấy đồ chơi màu đỏ cho búp bê màu vàng.</p>		
42	<p>- Trẻ có khả năng hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, học tập)</p>	<p>- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.</p> <p>- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.</p>	1,3,5,6,7
43	<p>Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.</p> <p>Nghe và thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp Tiếng Anh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi</p>	<p>- Nghe và thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp</p> <p>- Nghe, thực hiện 2-3 yêu cầu đơn giản bằng tiếng Anh</p>	8
<i>* Nói</i>			
44	<p>Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được</p> <p><i>*Trẻ DT: Kể 1 cách rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó bằng tiếng Việt để người nghe có thể hiểu được</i></p>	<p><i>Nói rõ ràng từ, câu tiếng việt phù hợp với giao tiếp hàng ngày, tự tin khi giao tiếp (Đối với trẻ dân tộc phát âm rõ các tiếng trong tiếng việt)</i></p> <p>Nói thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp.</p> <p>- Kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự.</p> <p>- Kể lại sự việc theo trình tự</p>	9
45	<p>Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm phù hợp với ngữ cảnh</p>	<p>- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.</p> <p>- Sử dụng các từ chỉ sự vật, hiện tượng, hành động quen thuộc trong giao tiếp</p> <p>Sử dụng đúng danh từ, động từ, tính từ, từ biểu cảm trong giao tiếp VD: Bức tranh hoa Mai này tuyệt đẹp; Ôi sao hôm nay bầu trời đẹp thế</p> <p>- Trẻ DT: biết bày tỏ nhu cầu, hiểu biết của bản thân bằng câu đơn, câu ghép</p>	4
46	<p>Trẻ biết dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,..</p> <p><i>* Trẻ DT: - Sử dụng được</i></p>	<p>- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.</p> <p>- Trẻ DT: Phát âm rõ các tiếng trong Tiếng Việt</p>	9

	<i>các từ câu đơn giản trong giao tiếp phù hợp với ngữ cảnh</i>		
47	Trẻ biết miêu tả sự việc với 1 số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. -Nhắc lại được, nói từ chỉ tên người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh	8
48	Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao... * Có thể Nhắc lại, đọc theo được 1 số bài vắn, bài thơ quen thuộc phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng Anh..	- Đọc thuộc lời bài thơ và biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. -Nhắc lại theo được 1 số bài vắn, bài thơ quen thuộc phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng Anh..	1->9
49	Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	- Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm, bớt sự kiện... trong ND truyện	2,3,5,8
50	Trẻ có thể đóng vai của nhân vật trong truyện	- Đóng được vai của nhân vật trong truyện (Hai anh em, ba cô gái..)	6
51	Trẻ biết sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, dạ, thưa, vâng ... phù hợp với tình huống Trẻ DT: Thể hiện hành vi văn minh trong giao tiếp (chú ý lắng nghe người khác nói, nhìn vào mặt người nói, giơ tay khi muốn nói và biết chờ đến lượt)	- Sử dụng lời nói lễ phép với người lớn tuổi chào hỏi, vâng, dạ, xin lỗi, cảm ơn phù hợp với tình huống VD: Cảm ơn khi được người khác giúp đỡ Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Không nói tục, chửi bậy Thưa gửi lễ phép, nghe lời, ngoan ngoãn, quan tâm, chia sẻ...	1
52	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh	- Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp VD: Hỏi lại, lắc đầu, xoa tay, nhăn mặt, cau mày...khi không hiểu người khác nói - Dùng câu hỏi, hỏi lại để làm rõ một vấn đề nào đó VD: Vì sao chim bay được mà cá lại không bay được, Tại sao khi vớt cá lên khỏi nước cá lại chết.	4
53	Trẻ có thể nhắc lại được tên đồ vật, sự vật hiện tượng, sự vật, hiện tượng	-Nhắc lại được tên đồ vật, sự vật hiện tượng, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh.	7

	<i>và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh.</i>		
* Làm quen với đọc – viết			
54	Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem	Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: - Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách.	1
55	Trẻ biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân	- Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm, bớt sự kiện... trong nội dung truyện	7
56	Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, trên xuống dưới, đầu sách đến cuối sách <i>Trẻ DT: Cầm sách đúng chiều, giở sách từ trang đầu đến trang cuối, “đọc” sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.</i>	- Hướng đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. Phân biệt phần mở đầu, phần kết thúc của sách. Trẻ DT: Cầm sách đúng chiều, giở sách từ trang đầu đến trang cuối, “đọc	2
57	Trẻ có khả năng nhận ra kí hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra vào, cấm lửa, biển báo giao thông	-Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	5
58	Trẻ biết nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt. * Trẻ DT: Nói được các tên các chữ cái và phát âm đúng các âm tương ứng 29 chữ cái tiếng Việt;	- Nhận dạng được 29 chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và phát âm đúng các âm tương ứng 29 chữ cái tiếng Việt.	1->9
59	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép 1 số ký hiệu, chữ cái, tên của mình <i>-Trẻ tô màu được 1 số nét, chữ cái tiếng Anh</i>	- Sao chép một số ký hiệu , chữ cái, tên của mình. <i>Tập tô, tập đồ 1 số nét, chữ cái, từ tiếng Anh quen thuộc</i>	2>9
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội			
60	Biết Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	-Sở thích, khả năng của bản thân. -Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. -Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.	2,3

61	Biết nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	Nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	2
62	Biết nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng). Trẻ biết Tôn trọng sự đa dạng của mọi người xung quanh	- Nói được tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện (<i>Điểm giống và khác nhau của mình với người khác</i>) -Trẻ biết tôn trọng những đặc điểm riêng của mỗi người và khả năng biết hòa hợp với người khác	2
63	Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	Biết mình là con, cháu, anh, chị, em trong gia đình -Trẻ biết yêu thương kính trọng, quan tâm đến ông bà cha mẹ, những người thân trong gia đình.	3
64	Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	Vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức	3
65	Trẻ thích làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	- Trẻ làm những công việc vừa sức giúp đỡ cha, mẹ và những người xung quanh trẻ (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi	1
66	Trẻ biết cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. Có thể <i> mạnh dạn tự tin trong giao tiếp bằng tiếng Anh, hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh, thích khám phá các nền văn hóa khác.</i>	Cố gắng hoàn thành công việc được giao, <i> mạnh dạn tự tin trong giao tiếp bằng tiếng Anh, hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh, thích khám phá các nền văn hóa khác.</i>	6
67	Trẻ biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác. Trẻ biết đồng cảm với	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ...) qua tranh ảnh, nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác, qua tranh ảnh, âm nhạc, <i>-Hứng thú trong các hoạt động làm quen với Tiếng Anh. Thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt đơn giản phù hợp với tình huống giao tiếp.</i> -Trẻ có khả năng hiểu cảm xúc, hoàn cảnh người	4
	người khác	khác, biết thể hiện sự quan tâm bao dung với người khác(bạn bè)	

68	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Mọi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.	5
69	Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	7
70	Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...) -Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	9
71	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. Kính yêu Bác Hồ.	2,9
72	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	-Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	5,9
73	Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).	1,3
74	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	8
75	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Chú ý nghe cô nói, bạn nói không ngắt lời	4

76	Trẻ biết chờ đến lượt.	- Chờ đến lượt khi tham gia các hoạt động - Không chen ngang, không ngắt lời cô, lời bạn hoặc người khác khi đang nói, đang làm - Tôn trọng, hợp tác và chấp nhận	6
77	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	-Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.	7
78	Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Cùng chơi với các bạn trong nhóm chơi nhỏ - Trao đổi cùng thảo luận với bạn để thực hiện các hoạt động chung (Vui chơi, trực nhật...) - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. - Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi	8
79	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Có ý thức vệ sinh và bảo vệ môi trường Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	5,6
80	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	-Giữ gìn vệ sinh môi trường, không khạc nhổ bừa bãi, bỏ rác đúng nơi quy định.	1
81	Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	-Giữ gìn vệ sinh môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...). - Nhận xét và tỏ thái độ hành vi (đúng, sai, tốt, xấu, nên làm và không nên làm) với môi trường xung quanh	4
82	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt hàng ngày (tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn)	3

Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.

83	Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, đánh điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	5
----	---	---	---

	tượng.		
--	--------	--	--

84	Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). -Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	1->9
85	Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	Thích thú trước cái đẹp, thích ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên trong cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật đẹp	1->9
86	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... * Hát theo, hát được 1 số bài hát tiếng Anh quen thuộc, phù hợp với lứa tuổi.	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. Hát theo một số bài hát Tiếng Anh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.	1->9
87	Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.	1->9
88	Trẻ có thể tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).	4

89	Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu	1->9
90	Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. Trẻ biết suy nghĩ sáng tạo	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm dự án Steam. -Trẻ có khả năng nhìn nhận hoặc cách làm mới khác biệt	1->9
91	Trẻ biết phối hợp các kĩ năng vẽ, cắt, xé dán, nặn để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. + Nặn các loại bánh	1->9
92	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm ,biết nói lên ý tưởng và có thể đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục. Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích Đặt tên cho sản phẩm của mình.	1->9

1.2. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian Tháng từ ngàyđến ngày	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/ Hội	Điều chỉnh
			Lớp học của bé	1		
			Trường MN Của bé			
T 9->10 Từ ngày 22/9 Đến ngày 24/10		Bản thân (5 T)	Cơ thể tôi	1		
			Tết Trung thu	1	Tết trung thu	
			Hãy giới thiệu về mình			
			Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh T1	1		
			Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh T2	1	Ngày QTPNVN 20/10	
T10->11 Từ ngày 27/10 Đến ngày 28/11	3	Gia đình (5T)	Mời bạn đến thăm gia đình tôi	1		
			Gia đình sống chung 1 ngôi nhà	1		
			Nhu cầu gia đình T1	1		
			Ngày 20/11	1	Ngày Nhà giáo VN	
			Nhu cầu gia đình T2	1		
T12->1/2026 Từ ngày 01/12/2025 đến ngày 02.01.2026	4	Nghề nghiệp (5T)	Nghề xây dựng	1		
			Nghề dịch vụ	1		
			Nghề giúp đỡ cộng đồng	1	Ngày 22/12	
			Nghề sản xuất	1		
			Nghề CSSK	1		
T1 Từ ngày 5/1 đến ngày 30/1/2026	5	TGĐV (4T)	Con vật nuôi trong gia đình	1		
			Con vật sống trong rừng	1		
			Con côn trùng, chim	1		
			Cá và các con vật dưới nước	1		
T2->T3 Từ ngày 02/2 đến ngày 20/3/2026	6	TGTV - TẾT NGUYỄN ĐÁN (6T)	Cây xanh	1		
			Bé vui đón tết, mùa xuân	1	Nghỉ tết ND từ 14/02-22/02/2026	
			Một số loại rau	1		

			Ngày hội 8/3	1	Ngày hội 8/3	
			Cây cho hoa	1		
			Cây cho quả	1		
T3->T4 Từ ngày 23/3 đến ngày 3/4/2026	7	PTGT (2T)	Phương tiện và QĐGT(T1)	1		
			Phương tiện và QĐGT (T1)	1		
T4 Từ ngày 06/4 đến ngày 24/4/2026 (Từ 27/4- 1/5) ôn tập	8	Hiện tượng tự nhiên (3T)	Hiện tượng tự nhiên	1		
			Nước	1		
			Mùa hè			
T5 Từ ngày 4/5 đến ngày 22/5 /2026 (Từ 25- 29/5/2026) Ôn tập cuối năm	9	Quê hương - Bác Hồ- Trường tiểu học (3T)	Điện biên quê hương em	1	Ngày 7/5 chiến thắng ĐBP	
			Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	1	Ngày sinh nhật Bác Hồ	
			Trường tiểu học	1	Trường tiểu học	

2. LỚP MG 5-6 D2

2.1. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động.			
1	Trẻ đạt được các tiêu chí về chiều cao và cân nặng theo độ tuổi.	- Về cân nặng trẻ (72 tháng) + Trẻ trai: 15,9-27,1Kg – Trẻ gái: từ 15,3-27,8Kg - Về chiều cao trẻ (72 tháng) + Trẻ trai: 106,1-125,8cm - Trẻ gái: 104,9 - 125,4cm	9
2	Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên(kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) + Đánh chéo hai tay ra hai phía trước, sau (HDTHCT) + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân; hai tay xoay tròn trước ngực, đưa lên cao - Lung, bụng, lườn. + Ngửa người ra phía sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái + Đứng cúi về trước (HDTHCT) + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về sau +Khụy gối; + Nâng cao chân, gập gối (HDTHCT) + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa 1 chân về phía trước, 1 chân về phía sau.	1->9
3	Trẻ thể hiện được các kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động: Giữ thăng bằng; kiểm soát vận động; Phối hợp tay, mắt;	- Đi chạy thay đổi hướng, dích dắc theo hiệu lệnh - Đi bằng mép ngoài bàn chân - Đi khụy gối - Đi trên dây (dây đặt trên sàn) - Đi nổi bàn chân tiến , lùi - Đi trên ván kê dốc (2m x 0,3m, 1 đầu kê cao)	1->9

	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong các vận động	<ul style="list-style-type: none"> - Đi trên ghế TD đầu đội túi cát - Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng đích dắc theo hiệu lệnh - Đi và đập bắt bóng tại chỗ - Chạy 18m trong khoảng 10 giây - Chạy chậm khoảng 100-120m - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Ném xa bằng 1 tay - Ném trúng đích = 1 tay, 2 tay - Ném xa – 1 tay, 2 tay - Ném và bắt bóng = 2 tay từ khoảng cách 4m - Chuyển bắt bóng qua đầu qua chân - Bò díc dắc qua 7 điểm - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5m - Bò chui qua ống dài 1,5 x 0,6m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5mx30cm - Trèo lên xuống 7 gióng thang - Chuyển bắt bóng qua đầu qua chân - Trườn kết hợp trèo qua ghế thể dục, bật xa - Bật liên tục vào vòng; - Bật xa 40-50cm - Bật nhảy từ trên cao xuống 40-45cm - Bật tách khớp chân qua 7 ô; - Bật qua vật cản 15-20cm - Nhảy lò cò. 5m 	
4	Trẻ biết phối hợp được cử động các bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động.	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động bàn tay, ngón tay, và cổ tay: Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi. bẻ, nắn - Lắp ráp - Xé, cắt đường vòng cung - Tô, đồ các nét - Cài cởi cúc, kéo khóa, khâu, luồn, buộc dây 	1->9
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.			
5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: Thực phẩm giàu chất muối khoáng:	Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	2

6	Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể kho, rán, luộc; gạo nấu cơm, nấu cháo,...	Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	3
7	Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	2
8	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: rửa tay, thay quần áo, Đi vệ sinh.	- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	1
9	Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống	- Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	6
10	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:	Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.	5
11	Trẻ biết những vật dụng nguy hiểm không nên đến gần. Biết không nên nghịch các vật sắc, nhọn. những nơi nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi chơi gần.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	7
12	Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh	- Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt,... sẽ bị hóc, sặc. - Biết: không tự ý uống thuốc.	8

		- Biết: ăn thức ăn có mùi ôi; ăn quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê không tốt cho sức khỏe.	
13	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: (Kỹ năng tự bảo vệ bản thân)	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu,... - Biết tránh 1 số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. + Biết được địa chỉ, nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	9
14	Trẻ thực hiện một số qui định ở trường, nơi công cộng về an toàn:	- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người dắt; đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	4
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
15	Trẻ thích tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: <i>* Trẻ có thể nhận biết và gọi tên bằng tiếng anh: Tên người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc</i>	Thích đặt câu hỏi để hỏi về một vấn đề nào đó để tìm hiểu, làm rõ thông tin về một sự vật, hiện tượng hay công việc nào đó“Tại sao ; như thế nào; làm bằng gì?” <i>-Nhận biết và gọi tên bằng tiếng anh: Tên người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc</i>	1,2,3,6,8
16	Trẻ biết Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét	Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi Nhận biết gọi tên của 1 số đồ dùng đồ chơi bằng tiếng Anh - Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông	1,3,5,6,7,8

	lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	<p>Nhận biết gọi tên của 1 số phương tiện giao thông bằng tiếng Anh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của cây, hoa, quả, con vật. - Quá trình phát triển, điều kiện sống của một số cây, con vật, cách chăm sóc, bảo vệ cây, con vật - Tiếp xúc an toàn với động vật - Tiếp xúc an toàn với cây cối, hoa quả - Nhận biết gọi tên 1 số con vật, cây, hoa, quả gần gũi, bằng tiếng Anh - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa, nhận biết gọi tên của 1 số mùa bằng tiếng Anh - Các nguồn nước trong môi trường sống, ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây - Một số đặc điểm, tính chất của nước, đất, đá, sỏi, cát. Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật, cây 	
17	Trẻ thích làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.	<ul style="list-style-type: none"> - Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. <p>Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.</p>	8
18	Trẻ có thể thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau:	- Xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	4
19	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	<p>Phân loại các đối tượng (Đồ dùng, đồ chơi, các con vật, thực vật, các phương tiện giao thông) theo 2-3 dấu hiệu</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu + Phân loại cây, hoa, quả, con vật quen thuộc theo 2-3 dấu hiệu + Phân loại PTGT theo 2-3 dấu hiệu 	1,3,5,6,7
20	Trẻ có thể nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng.	<p>Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc 	1,5

		+ QS, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống	
21	Trẻ có thể giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. Trẻ có kỹ năng tư duy	Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. -Trẻ có khả năng giải quyết các vấn đề đơn giản trong cuộc sống một cách tích cực	9
22	Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng - So sánh sự giống và khác nhau của một số con, cây, hoa, quả - Sự khác nhau giữa ngày và đêm (Mặt trời, mặt trăng)	1,3,5,6,8
23	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi tạo hình, âm nhạc.	Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động âm nhạc và tạo hình.	2
b) Làm quen với toán			
24	Trẻ nhận biết số đếm, quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	4
25	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Trẻ nghe và nhắc lại các số từ 1-10 bằng tiếng Anh	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng - Nghe và nhắc lại các số từ 1-10 bằng tiếng Anh	1->9
26	Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được hơn, ít nhất kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít	- So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất	4
27	Trẻ biết gộp, tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau	Gộp/tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau.	1->9
28	Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.	1->9
29	Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..).	9

30	Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	2
31	Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	- Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.	6
32	Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	- Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp - Ghép thành cặp có mối liên quan	7
33	Trẻ biết sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	5,6,8
34	Trẻ gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và nhật.khối trụ, khối vuông và khối chữ	Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.	3
35	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. - Gọi được các thứ trong tuần. - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.	4
c) Khám phá xã hội			
36	Trẻ biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	2
37	Trẻ biết nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.	3
38	Trẻ biết nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. - Những đặc điểm nổi bật của trường tiểu học	1,9

		<p>- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.</p> <p>- Nhận biết, gọi tên 1 số từ Tiếng Anh chỉ tên người đồ vật, sự vật, hành động ở trường quen thuộc</p>	
39	<p>Trẻ nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề số nghề truyền thống tại địa phương. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”</p> <p>* Trẻ nhận biết và nói được tiếng anh 1 số nghề nghiệp phổ biến quen thuộc tại địa phương</p>	<p>- Tên gọi, công cụ , sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.</p> <p>nói được tiếng anh 1 số nghề nghiệp phổ biến quen thuộc tại địa phương</p>	4
40	<p>- Trẻ kể tên một số lễ hội, kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử các dân tộc và phong tục tập quán cơ bản của từng dân tộc của quê hương mình.</p>	<p>- Đặc điểm nổi bật của 1 số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa, 1 số phong tục tập quán của địa phương, về quê hương Điện Biên (Các di tích lịch sử, các dân tộc, phong tục tập quán...)</p>	1,4, 5,6,9
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
a. Nghe			
41	<p>Trẻ biết thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.</p> <p>* Trẻ DT: - Nghe , hiểu các từ về tên gọi, đặc điểm của các đồ vật con vật và sự vật gần gũi, quen thuộc,</p> <p>- Thực hiện được 2,3 yêu cầu liên tiếp. VD: Cháu</p>	<p>- Trẻ hiểu và làm được theo 2 - 3 yêu cầu liên tiếp</p> <p>-Trẻ dân tộc: Nghe lời nói trong giao tiếp hàng ngày</p> <p>- Nghe và làm theo 2 đến 3 yêu cầu tiếng Anh liên tiếp đơn giản quen thuộc</p>	2,3

	<i>hãy lấy đồ chơi màu đỏ cho búp bê màu vàng.</i>		
42	- Trẻ có khả năng hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, học tập)	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	1,3,5,6,7
43	Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. <i>Nghe và thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp Tiếng Anh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi</i>	- Nghe và thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp - Nghe, thực hiện 2-3 yêu cầu đơn giản bằng tiếng Anh	8
<i>b. Nói</i>			
44	Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được <i>*Trẻ DT: Kể 1 cách rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó bằng tiếng Việt để người nghe có thể hiểu được</i>	- <i>Nói rõ ràng từ, câu tiếng Việt phù hợp với giao tiếp hàng ngày, tự tin khi giao tiếp (Đối với trẻ dân tộc phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt)</i> - Nói thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp. - Kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự. - Kể lại sự việc theo trình tự	9
45	Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm phù hợp với ngữ cảnh	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Sử dụng các từ chỉ sự vật, hiện tượng, hành động quen thuộc trong giao tiếp - Sử dụng đúng danh từ, động từ, tính từ, từ biểu cảm trong giao tiếp VD: Bức tranh hoa Mai này tuyệt đẹp; Ôi sao hôm nay bầu trời đẹp thế - <i>Trẻ DT: biết bày tỏ nhu cầu, hiểu biết của bản thân bằng câu đơn, câu ghép</i>	4
46	Trẻ biết dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,.. <i>* Trẻ DT: - Sử dụng được các từ câu đơn giản trong giao tiếp phù hợp với ngữ cảnh</i>	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - <i>Trẻ DT: Phát âm rõ các tiếng trong Tiếng Việt</i>	9

47	Trẻ biết miêu tả sự việc với 1 số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. <i>-Nhắc lại được, nói từ vhi tên người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh</i>	8
48	Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao... <i>* Có thể Nhắc lại, đọc theo được 1 số bài vắn, bài thơ quen thuộc phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng Anh...</i>	- Đọc thuộc lời bài thơ và biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. <i>- Nhắc lại theo được 1 số bài vắn, bài thơ quen thuộc phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng Anh...</i>	1->9
49	Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	- Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm, bớt sự kiện... trong nội dung truyện	2,3,4,8
50	Trẻ có thể đóng vai của nhân vật trong truyện	- Đóng được vai của nhân vật trong truyện (Hai anh em, ba cô gái..)	2,3,5
51	Trẻ biết sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, dạ, thưa, vâng ... phù hợp với tình huống <i>Trẻ DT: Thể hiện hành vi văn minh trong giao tiếp (chú ý lắng nghe người khác nói, nhìn vào mặt người nói, giơ tay khi muốn nói và biết chờ đến lượt)</i>	- Sử dụng lời nói lễ phép với người lớn tuổi chào hỏi, vâng, dạ, xin lỗi, cảm ơn phù hợp với tình huống VD: Cảm ơn khi được người khác giúp đỡ - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Không nói tục, chửi bậy - Thưa gửi lễ phép, nghe lời, ngoan ngoãn, quan tâm, chia sẻ...	1
52	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh	- Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp VD: Hỏi lại, lắc đầu, xua tay, nhăn mặt, cau mày...khi không hiểu người khác nói - Dùng câu hỏi, hỏi lại để làm rõ một vấn đề nào đó VD: Vì sao chim bay được mà cá lại không bay được, Tại sao khi vớt cá lên khỏi nước cá lại chết.	4
53	<i>Trẻ có thể nhắc lại được tên đồ vật, sự vật hiện tượng, sự vật, hiện tượng và hành động</i>	- Nhắc lại được tên đồ vật, sự vật hiện tượng, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh.	7

	<i>đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh.</i>		
c. Làm quen với đọc – viết			
54	Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem	Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: - Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách.	1
55	Trẻ biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân	- Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm, bớt sự kiện... trong nội dung truyện	7
56	Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, trên xuống dưới, đầu sách đến cuối sách <i>Trẻ DT: Cầm sách đúng chiều, giở sách từ trang đầu đến trang cuối, “đọc” sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.</i>	- Hướng đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Phân biệt phần mở đầu, phần kết thúc của sách. Trẻ DT: Cầm sách đúng chiều, giở sách từ trang đầu đến trang cuối.	2
57	Trẻ có khả năng nhận ra kí hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra vào, cấm lửa, biển báo giao thông	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	6
58	Trẻ biết nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt. <i>* Trẻ DT: Nói được các tên các chữ cái và phát âm đúng các âm tương ứng 29 chữ cái tiếng Việt;</i>	- Nhận dạng được 29 chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và phát âm đúng các âm tương ứng 29 chữ cái tiếng Việt.	1->9
59	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép 1 số ký hiệu, chữ cái, tên của mình <i>-Trẻ tô màu được 1 số nét, chữ cái tiếng Anh</i>	- Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình. <i>- Tập tô, tập đồ 1 số nét, chữ cái, từ tiếng Anh quen thuộc</i>	2->9
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội			
60	Biết Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	-Sở thích, khả năng của bản thân. -Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. -Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.	2,3

61	Biết nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	Nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	2
62	Biết nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng). Trẻ biết Tôn trọng sự đa dạng của mọi người xung quanh	- Nói được tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện (<i>Điểm giống và khác nhau của mình với người khác</i>) - Trẻ biết tôn trọng những đặc điểm riêng của mỗi người và khả năng biết hòa hợp với người khác	2
63	Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	- Biết mình là con, cháu, anh, chị, em trong gia đình - Trẻ biết yêu thương kính trọng, quan tâm đến ông, bà, cha, mẹ, những người thân trong gia đình.	3
64	Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	Vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức	3
65	Trẻ thích làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	- Trẻ làm những công việc vừa sức giúp đỡ cha, mẹ và những người xung quanh trẻ (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi	1
66	Trẻ biết cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. Có thể <i> mạnh dạn tự tin trong giao tiếp bằng tiếng Anh, hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh, thích khám phá các nền văn hóa khác.</i>	Cố gắng hoàn thành công việc được giao, <i> mạnh dạn tự tin trong giao tiếp bằng tiếng Anh, hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh, thích khám phá các nền văn hóa khác.</i>	5
67	Trẻ biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác. Trẻ biết đồng cảm với người khác	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ...) qua tranh ảnh, nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác, qua tranh ảnh, âm nhạc, <i>-Hứng thú trong các hoạt động làm quen với Tiếng Anh. Thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt đơn giản phù hợp với tình huống giao tiếp.</i> -Trẻ có khả năng hiểu cảm xúc, hoàn cảnh người khác, biết thể hiện sự quan tâm bao dung với người khác(bạn bè)	4
68	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	6

		- Mỗi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”- “sai”, “tốt” - “xấu”.	
69	Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	7
70	Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...) - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	9
71	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. Kính yêu Bác Hồ.	2,9
72	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	6,9
73	Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).	1,3
74	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	8
75	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Chú ý nghe cô nói, bạn nói không ngắt lời	4
76	Trẻ biết chờ đến lượt.	- Chờ đến lượt khi tham gia các hoạt động - Không chen ngang, không ngắt lời cô, lời bạn hoặc người khác khi đang nói, đang làm - Tôn trọng, hợp tác và chấp nhận	5
77	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	-Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.	7
78	Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can	- Cùng chơi với các bạn trong nhóm chơi nhỏ - Trao đổi cùng thảo luận với bạn để thực hiện các hoạt động chung (Vui chơi, trực nhật...)	8

	thiếp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. - Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi	
79	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Có ý thức vệ sinh và bảo vệ môi trường Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	5,6
80	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	-Giữ gìn vệ sinh môi trường, không khạc nhổ bừa bãi, bỏ rác đúng nơi quy định.	1
81	Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	-Giữ gìn vệ sinh môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...). - Nhận xét và tỏ thái độ hành vi (đúng, sai, tốt, xấu, nên làm và không nên làm) với môi trường xung quanh	4
82	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt hàng ngày (tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn)	3
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.			
83	Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	6
84	Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). -Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	1->9
85	Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	Thích thú trước cái đẹp, thích ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên trong cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật đẹp	1->9
86	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	1->9

	giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... * Hát theo, hát được 1 số bài hát tiếng Anh quen thuộc, phù hợp với lứa tuổi.	- Hát theo một số bài hát Tiếng Anh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.	
87	Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.	1->9
88	Trẻ có thể tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).	4
89	Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu	1->9
90	Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. Trẻ biết suy nghĩ sáng tạo	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. -Trẻ có khả năng nhìn nhận hoặc cách làm mới khác biệt	1->9
91	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, cắt, xé dán, nặn để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	1->9
92	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm ,biết nói lên ý tưởng và có thể đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục. Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích Đặt tên cho sản phẩm của mình.	1->9

2.2. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thời gian Tháng từ ngàyđến ngày	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/ Hội	Điều chỉnh
Tháng 9 Từ ngày 8/9	1		Lớp học của bé	1		

<i>đến ngày 19/9</i>		Trường Mầm non (2T)	Trường MN của bé	1		
Tháng 9->10 <i>Từ ngày 22/9 đến ngày 24/10</i>	2	Bản thân (5T)	Cơ thể tôi	1		
			Hãy giới thiệu về mình	1		
			Tết trung thu	1		
			Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	2	Ngày QTPNVN 20/10	
Tháng 10->11 <i>Từ ngày 27/10 Đến ngày 28/11</i>	3	Gia đình (5T)	Gia đình bé	1		
			Gia đình sống chung 1 ngôi nhà	1		
			Nhu cầu gia đình	2		
			Ngày hội 20/11	1	Ngày Nhà giáo VN	
Tháng 11->12 <i>Từ ngày 01/12/2025 đến ngày 09/01/2026</i>	4	Ngành nghề (5T)	Nghề xây dựng	1		
			Nghề dịch vụ	1		
			Nghề sản xuất	1		
			Nghề giúp đỡ cộng đồng	1	Ngày 22/12	
			Nghề chăm sóc sức khỏe	1		
Tháng 1->T2 <i>Từ ngày 12/01 đến ngày 06/02/2026</i>	5	TGDV (4T)	Con vật nuôi trong gia đình	1		
			Con vật sống trong rừng	1		
			Côn trùng, chim	1		
			Cá và các con vật sống dưới nước	1		
Tháng 2->T3 <i>Từ ngày 09/02 đến ngày 27/3/2026 (Trong đó nghỉ tết từ 14/02 - hết ngày 22/02)</i>	6	TGTV - Tết nguyên đán (6T)	Bé vui đón tết - mùa xuân	1	Tết nguyên đán	
			Cây xanh	1		
			Ngày hội 8/3	1	Ngày hội 8/3	
			Một số loại rau	1		
			Cây cho hoa	1		
			Cây cho quả	1		

Tháng 3->T4 Từ ngày 30/03 đến ngày 10/4/2026	7	Phương tiện và quy định giao thông (2T)	Phương tiện và quy định giao thông	2		
Tháng 4 ->T5 Từ ngày 13/4 đến ngày 08/05/2026	8	Nước và hiện tượng thiên nhiên (3T)	Một số hiện tượng thiên nhiên	1		
			Nước	1		
			Mùa hè	1		
Tháng 5 Từ ngày 11/05 đến ngày 29/05/2026	9	Quê hương - Bác Hồ- Trường tiểu học (3T)	Điện biên quê hương em	1	Ngày 7/5 chiến thắng ĐBP	
			Bác hồ với các cháu thiếu nhi	1		
			Trường tiểu học	1	Trường tiểu học	

D. CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA

* Công tác kiểm tra:

- Nhà trường làm tốt công tác tự kiểm tra đánh giá, tăng cường kiểm tra, đôn đốc các hoạt động như kiểm tra việc thực hiện qui chế chuyên môn, công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, qui chế giao nhận thực phẩm có sự giám sát của PHHS, ban TTND, Hội đồng trường. Phát hiện xử lý kịp thời các biểu hiện tiêu cực, tăng cường kiểm tra đột xuất.

- Thực hiện tốt công tác tự kiểm định chất lượng, kiểm tra nội bộ của nhà trường theo các văn bản hướng dẫn.

- Tăng cường kiểm tra đột xuất việc thực hiện quy chế. Kiểm tra đột xuất tổ chức giờ ăn của trẻ, các hoạt động học...

* Quản trị trường học

- Tổ chức quản lý chặt chẽ tài sản của trường: Giao quản lý tài sản cho từng tổ, từng lớp, tổ chức kiểm kê đánh giá 1 học kỳ/ lần, đầu năm, cuối năm, khi nghỉ dài ngày.

- Giám sát, phối hợp tốt việc thực hiện công tác vệ sinh trong nhà trường.

**PHÊ DUYỆT CỦA NHÀ TRƯỜNG
HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Lý

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Phan Thị Minh Nguyệt

